

Số: /BC-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
Về các nội dung chính của Quy hoạch tổng thể Thủ đô
với tầm nhìn 100 năm

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được Tờ trình số 03/TTr-HĐND ngày 15/01/2026 của HĐND Thành phố trình Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy về việc xin ý kiến thời gian, nội dung kỳ họp chuyên đề (kỳ họp thứ 31) HĐND Thành phố khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 (trong đó có nội dung thông qua quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm); và Giấy mời số 08/GM-BĐT ngày 19/01/2026 của Ban Đô thị HĐND Thành phố về dự họp thẩm tra các nội dung do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố tại kỳ họp chuyên đề (kỳ họp thứ 31) (trong đó có nội dung quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm). Để chuẩn bị cho các công tác nêu trên, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã có Văn bản số 355/QHKT-QKĐ ngày 20/01/2026 báo cáo về các nội dung chính của Quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm để báo cáo tại kỳ họp chuyên đề (kỳ họp thứ 31) HĐND Thành phố khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026.

Thực hiện ý kiến lãnh đạo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Văn bản số 19076-CV/VPTW ngày 21/11/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Văn bản số 1531/TTg-CN ngày 28/11/2025, số 1634/TTg-CN ngày 25/12/2025, Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 709/TB-VPCP ngày 19/12/2025 của Văn phòng Chính phủ; Kết luận làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm với Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội tại Thông báo số 491-TB/VPTW ngày 13/01/2026; Kết luận của Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy tại Thông báo số 199-TB/TU ngày 10/01/2026, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/01/2026; UBND Thành phố đã tiếp thu đầy đủ và hoàn thiện các nội dung chính của Quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm như sau:

I. Cơ sở pháp lý

1. Các căn cứ pháp lý liên quan

- Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật Quy hoạch (sửa đổi) số 112/2025/QH15; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025;

- Căn cứ các Nghị quyết của Bộ Chính trị: Số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân;

- Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/NQ-QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô (trong đó có quy định chỉ lập một Quy hoạch tổng thể Thủ đô trên cơ sở cụ thể hóa các nội dung quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và tích hợp, lồng ghép các nội dung của Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô);

- Căn cứ Nghị quyết số 84/2025/NQ-HĐND ngày 13/12/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội quy định nội dung, định mức chi phí, đơn giá, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô;

- Căn cứ Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

- Căn cứ Văn bản số 1531/TTg-CN ngày 28/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát điều chỉnh quy hoạch của thành phố Hà Nội.

- Căn cứ Thông báo số 709/TB-VPCP ngày 19/12/2025 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thường trực Chính phủ về ý tưởng, định hướng lớn Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội;

- Căn cứ Văn bản số 1634/TTg-CN ngày 25/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, khẩn trương phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội;

12. Căn cứ thực tiễn

Trong nhiệm kỳ 2020-2025, triển khai thực hiện Luật Quy hoạch đô thị 2009, Luật Quy hoạch 2017; Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị; Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thành phố đã giao các đơn vị tổ chức triển khai nghiên cứu lập 02 quy hoạch của Thủ đô: (1) Quy hoạch Thủ đô thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, và (2) Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 và số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024; Đến nay, qua rà soát, đánh giá nhận thấy một số bất cập, hạn chế còn tồn tại chính như sau:

(1)- Tồn tại: 02 quy hoạch của Thủ đô nêu trên nêu trên được phê duyệt trước thời điểm triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tổ chức lại địa giới hành chính các tỉnh, thành phố, triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các nội dung của 02 quy hoạch còn đề cập về thành phố trong thành phố, quận, huyện,... đến nay không còn phù hợp, cần rà soát điều chỉnh để thống nhất với điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia (tại Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 252/2025/NQ-QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội), điều chỉnh quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan. Đồng thời, theo các chỉ đạo, định hướng mới của Trung ương đòi hỏi kiến tạo thêm không gian, tiềm năng và cơ hội phát triển, tạo dư địa đột phá trong phát triển kinh tế với mục tiêu tăng trưởng 2 con số.

(2)- Tồn tại 02 quy hoạch của Thủ đô nêu trên được nghiên cứu lập, thẩm định, phê duyệt theo 02 hệ thống văn bản pháp luật với 02 quy trình khác nhau, với thời kỳ và tầm nhìn khác nhau, không có sự thống nhất: (1) Quy hoạch Thủ đô được triển khai theo quy định của Luật Quy hoạch 2017; là quy hoạch lớn, bao trùm đồng bộ các nội dung kinh tế - xã hội, bao gồm cả quy hoạch đô thị và nông thôn; tuy nhiên thời kỳ quy

hoạch ngắn hạn từ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (2) Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô được triển khai theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị 2009 và Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn 2024 (để phục vụ quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn); thời kỳ quy hoạch dài hơn đến 2045, tầm nhìn đến năm 2065.

(3)- Tồn tại về hệ thống quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: Thành phố đã được phê duyệt 08 quy hoạch hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành: (1) Quy hoạch giao thông vận tải; (2) Phát triển điện lực; (3) Cấp nước; (4) Thoát nước; (5) Xử lý chất thải rắn; (6) Nghĩa trang; (7) Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm; (8) Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ.

Tuy nhiên đến nay hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các yêu cầu phát triển đô thị vẫn còn những thiếu hụt, tồn tại, qua các báo cáo đã tổng kết, đánh giá như: Ùng ngập; ô nhiễm môi trường, nước thải, rác thải; ùn tắc giao thông; thiếu về không gian xanh; phân bố dân cư không đồng đều, chất tải dân số vào nội đô; về văn minh, trật tự đô thị chưa đảm bảo; về vệ sinh an toàn thực phẩm; phát triển đô thị thông minh chưa được đầy mạnh.

Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 258/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô, trong đó Điều 6 đã cho phép trên địa bàn Thành phố chỉ lập một Quy hoạch tổng thể Thủ đô trên cơ sở cụ thể hóa các nội dung quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và tích hợp, lồng ghép các nội dung của Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô.

II. Nội dung báo cáo:

1. Dự báo tình hình phát triển kinh tế trong thời kỳ mới:

Theo mục tiêu Quy hoạch Thủ đô được phê duyệt năm 2024, Hà Nội phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân khoảng 8,5 - 9,5%/năm. Tuy nhiên, bối cảnh quốc tế và trong nước đã và tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, đan xen cả cơ hội và thách thức, tác động sâu sắc đến quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung và Thủ đô Hà Nội nói riêng. Ngày 10/12/2025, Quốc hội thông qua điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia đã đặt ra mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 -2030 khoảng 10%/năm và GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) năm 2030 khoảng 8.500 USD; đến năm 2050, GDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đạt 38.000 USD. Mục tiêu này cao hơn so với trước đó¹ để tạo nền tảng vững chắc đưa Đất nước tiến vào kỷ nguyên mới. Mục tiêu này cũng đặt ra yêu cầu cao hơn, đòi hỏi các cực tăng trưởng lớn, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội, phải phát huy mạnh mẽ vai trò dẫn dắt và lan tỏa động lực phát triển cho toàn bộ nền kinh tế. Hà Nội không chỉ được kỳ vọng duy trì tốc độ tăng trưởng cao mà còn phải đi đầu về chất lượng tăng trưởng, hiệu quả sử dụng nguồn lực, năng lực cạnh tranh quốc tế và phát triển bền vững.

Trong thời kỳ mới, động lực tăng trưởng kinh tế của Hà Nội được dự báo sẽ chuyển dịch mạnh sang các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, dựa trên khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp với xu thế của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp số, công nghiệp sáng tạo; các ngành dịch vụ hiện đại như tài chính – ngân hàng, thương mại, logistics chất lượng cao, kinh tế số và kinh tế tri thức sẽ ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong cơ

¹ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 xác định: Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP cả nước bình quân đạt khoảng 7,0%/năm giai đoạn 2021 - 2030. Đến năm 2030, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD. Giai đoạn 2031 - 2050, phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân khoảng 6,5 - 7,5%/năm. Đến năm 2050, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 27.000 - 32.000 USD;

cầu GRDP. Việc thu hút dòng vốn FDI thế hệ mới từ các tập đoàn đa quốc gia, gắn với chuyển giao công nghệ, liên kết chuỗi giá trị toàn cầu và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, được dự báo sẽ tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững của Thủ đô.

Song song với đó, quá trình tổ chức lại không gian và sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp không chỉ mang ý nghĩa cải cách thể chế và quản trị đô thị, mà còn là một động lực kinh tế quan trọng, góp phần mở rộng dư địa tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng GRDP. Đồng thời, việc triển khai đồng bộ các nghị quyết lớn của Trung ương về hoàn thiện thể chế, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế tư nhân, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân, đảm bảo an ninh năng lượng² sẽ tạo ra những xung lực tăng trưởng mới có tính nền tảng và lâu dài. Khu vực kinh tế tư nhân của Hà Nội được dự báo tiếp tục mở rộng về quy mô, nâng cao năng lực cạnh tranh và vai trò trong đổi mới sáng tạo, tạo việc làm và đóng góp vào GRDP. Nguồn nhân lực chất lượng cao được củng cố cả về số lượng và chất lượng; năng suất lao động và hiệu quả quản trị đô thị được cải thiện rõ rệt, qua đó nâng cao sức chống chịu và khả năng thích ứng của nền kinh tế Thủ đô trước các biến động từ bên ngoài.

Trong bối cảnh Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, quá trình phát triển kinh tế của Hà Nội trong thời kỳ mới được dự báo cũng sẽ gắn chặt với chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Việc lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng sống của người dân sẽ giúp Thủ đô không chỉ đạt được các chỉ tiêu tăng trưởng GRDP theo Quy hoạch, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững, củng cố vị thế là cực tăng trưởng hàng đầu, trung tâm đổi mới sáng tạo và kết nối khu vực, quốc tế của Việt Nam.

Trên cơ sở đó, dự báo tốc độ tăng trưởng GRDP của Hà Nội phần đầu trong giai đoạn 2026 - 2030, Hà Nội cần phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GRDP ở mức cao, trên 11%/năm; theo đó GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) của Thủ đô đến năm 2030 ước đạt trên 12.000 USD. Giai đoạn 2031 - 2045, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân tiếp tục giữ mức trên 11%/năm, GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đạt khoảng 45.000 USD. Giai đoạn 2046 - 2065, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân khoảng 5,0%/năm; GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) ước đạt khoảng 100.000 USD.

2. Các nội dung chính đề xuất điều chỉnh tổng thể 02 quy hoạch để tổ chức lập 01 Quy hoạch tổng thể Thủ đô:

2.1. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch

Thực hiện các chiến lược, chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, của Thành phố, đáp ứng những yêu cầu phát triển mới; nghiên cứu đề xuất các giải pháp quy hoạch nhằm cụ thể các định phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hóa - bản sắc - sáng tạo”, tái cấu trúc theo mô hình đô thị Đa cực - Đa trung tâm, Đa tầng - Đa lớp, thành phố

² Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

“Văn hiến - văn minh - hiện đại”, phát triển sáng, xanh, sạch, đẹp, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đòi hỏi Hà Nội không chỉ là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia mà còn là cực tăng trưởng trung tâm đầu não, đòi hỏi không gian, tiềm năng và cơ hội phát triển, tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế với mục tiêu tăng trưởng 2 con số, phải hướng tới tầm nhìn 100 năm và xa hơn, tương xứng với Thủ đô của một nước phát triển thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa; có sức lan toả để thúc đẩy, dẫn dắt sự phát triển Vùng đồng bằng Sông Hồng, Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển.

Phù hợp triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tổ chức lại địa giới hành chính các tỉnh, thành phố, triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; thống nhất với điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia, điều chỉnh quy hoạch Vùng đồng bằng sông Hồng, quy hoạch kết nối các tỉnh lân cận sau sắp xếp trong cấu trúc Vùng Thủ đô và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan.

2.2. Tầm nhìn quy hoạch:

Điều chỉnh các Quy hoạch của Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được phê duyệt năm 2024; đến nay đề xuất điều chỉnh như sau:

(1) Tầm nhìn chiến lược: Chuyển từ tầm nhìn 2065 sang nghiên cứu định hướng chiến lược dài hạn tới 2100, hướng tới tầm nhìn 100 năm và xa hơn; xây dựng các kịch bản phát triển theo các mốc: 2030-2035- 2045- 2050, 2065, 2085, 2100, hướng tới một Thủ đô “Văn hóa - Bản sắc - Sáng tạo”; đồng thời phát huy các thế mạnh, tiềm năng sẵn có, với hành động kết nối toàn cầu, có sức cạnh tranh ngang tầm các thủ đô phát triển trong khu vực và thế giới; bằng các định hướng:

- Văn hóa: Là Thủ đô với bề dày hơn 1000 năm văn hiến; bảo tồn, phát huy giá trị di sản, văn hóa, lịch sử Thăng Long - Hà Nội; Hội tụ, tiếp biến và lan tỏa, động lực thúc đẩy phát triển vùng thông qua phát huy các giá trị về bản sắc văn hóa lịch sử, nguồn lực con người, tri thức, khoa học công nghệ... Phát huy vai trò, vị thế là Trung tâm Vùng đô thị sáng tạo và kết nối toàn cầu, tạo dư địa và các động lực phát triển mới, thúc đẩy kinh tế - xã hội của vùng và quốc gia, tạo đột phá cho phát triển; Trong đó, phát huy tinh thần, giá trị Văn hóa, bản sắc, sáng tạo để hoạch định các định hướng không gian phát triển và kế hoạch hành động phát triển đột phá.

- Bản sắc: Phát huy giá trị truyền thống văn hóa lịch sử, lấy con người là trung tâm, với mục tiêu phát triển con người toàn diện, có bản sắc, hướng tới hội nhập quốc tế, thông minh, sáng tạo. Lựa chọn, phát triển các khu vực đô thị mới mở rộng theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, có bản sắc để tạo môi trường sống tốt cho nhu cầu tăng trưởng và nâng cao chất lượng dân số, đô thị, dịch chuyển dân cư từ khu vực nội đô, khu vực nông thôn tập trung về các khu vực đô thị mới, xây dựng nguồn nhân lực hiện đại. Cải tạo chỉnh trang, tái thiết đồng bộ các khu vực đô thị hiện hữu, làng xóm cũ, điểm dân cư nông thôn, làng nghề, bảo tồn phát huy di sản văn hóa, lịch sử,... gắn với cải tạo xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để khắc phục các tồn tại về cơ sở hạ tầng, môi trường, nâng cao điều kiện sống, tri thức, phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn, tạo môi trường sống, sinh kế của người dân bền vững, phát triển.

- Sáng tạo: Phát huy giá trị riêng có, nội lực, trí tuệ của con người Việt Nam, tiếp thu khoa học công nghệ thế giới, ứng dụng phát triển đô thị thông minh, sáng tạo với tổng thể cơ sở hạ tầng trẻ hóa, hiện đại, gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi phương thức đi lại bằng giao thông công cộng hiện đại, xây dựng đồng bộ mô hình TOD, đô thị 15 phút. Phát triển đô thị và nông thôn văn minh, hiện đại gắn với sự chuyển động phát triển của kinh tế - xã hội Thủ đô, gắn với tốc độ phát triển của khoa học công nghệ, của

toàn cầu hóa. Ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo vào nghiên cứu lập quy hoạch, thực hiện quy hoạch, giám sát, đánh giá thực hiện xây dựng phát triển đô thị theo quy hoạch và cập nhật, điều chỉnh quy hoạch kịp thời với sự phát triển của khoa học công nghệ tiên tiến thế giới.

Chuyển đổi tư duy quy hoạch lấy các chỉ tiêu vật chất làm thước đo sang lấy 'Sự hài lòng, hạnh phúc và chất lượng sống của người dân' làm trung tâm. Cụ thể hóa bằng việc đảm bảo an ninh nguồn nước, môi trường không khí trong lành; cung cấp nhà ở xã hội chất lượng cao cho đại đa số người dân; và kiến tạo các không gian công cộng, văn hóa để nuôi dưỡng đời sống tinh thần, đảm bảo mỗi người dân Thủ đô đều được thụ hưởng công bằng thành quả của sự phát triển."

Phát triển và cụ thể hóa các chiến lược phát triển xanh, gắn với các mô hình phát triển xanh, phát triển tuần hoàn, phát triển thích ứng, phát triển bền vững. Cụ thể hóa các giải pháp về hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh để tạo điều kiện phát triển cho đô thị và nông thôn. Cải thiện hệ thống công viên cây xanh, bảo tồn phát triển rừng, cải tạo hệ thống sông hồ, mặt nước, tạo không gian xanh và điều kiện sống cho người dân đô thị và nông thôn với mô hình "làng trong phố - phố trong làng" và "rừng trong Thành phố - Thành phố trong rừng", tăng cường kết nối đô thị và nông thôn hai bên sông; khắc phục triệt để các điểm ngập, tồn tại về ngập úng, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, nguồn nước và văn minh, trật tự đô thị và nông thôn.

(2) Chỉ tiêu phát triển:

Quy hoạch Tổng thể Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, dự báo phát triển đến năm 2065, tầm nhìn dài hạn 100 năm và xa hơn.

a) Phạm vi, ranh giới, quy mô: Toàn bộ địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội, với 126 đơn vị hành chính cấp xã (51 phường, 75 xã). Tổng diện tích đất khoảng 3.359,84 km² (335.984ha).

c) Dân số: Dự báo theo kịch bản mở, không khống chế dân số cơ học mà quản lý dân số phù hợp với ngưỡng chịu tải của hạ tầng, dự báo đến 2045 khoảng 15 - 16 triệu người; dự báo đến năm 2065 khoảng 17 - 19 triệu người; các giai đoạn tiếp theo đến năm 2100 cơ bản đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất ổn định không quá 20 triệu người, đảm bảo tiêu chuẩn mật số dân số, tránh tạo áp lực đô thị; kịch bản tăng dân số đồng thời với trẻ hóa, hiện đại hóa nguồn nhân lực; trong giai đoạn 2065 – 2100 (dân số tăng, giảm tùy theo tình hình bối cảnh, yêu cầu thực tiễn tại từng thời kỳ).

d) Đất đai: Tăng tỷ lệ đất đô thị toàn Thành phố lên khoảng 45- 50% vào 2045 phát triển mô hình đô thị nén kết hợp không gian xanh, tạo dư địa cho các dự án đầu tư phát triển trọng điểm; dự trữ cho giai đoạn 2065 tăng khoảng 55% - 60% và đảm bảo tỷ lệ đất rừng, cấu trúc vành đai xanh, hành lang xanh, nêm xanh.

Rà soát tổng quy mô đất nông nghiệp (hiện trạng khoảng 190 nghìn ha), đánh giá năng suất trồng lúa để xem xét chuyển đổi một phần sang đất trồng rừng, công viên rừng, đào hồ, kiến tạo môi trường xanh, bổ cập nước sông, thoát lũ, chống ngập úng, tạo cảnh quan Vành đai xanh, nêm xanh, hành lang xanh xen giữa các đô thị vệ tinh theo mô hình "Rừng trong Thành phố - Thành phố trong rừng".

2.3. Tính chất

- Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội, là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế.

- Định phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hóa - bản sắc - sáng tạo”, tái cấu trúc theo mô hình đô thị Đa cực - Đa trung tâm, Đa tầng - Đa lớp, thành phố “Văn hiến - văn minh - hiện đại”, phát triển sáng, xanh, sạch, đẹp, thích ứng với biến đổi khí hậu; là nơi tập trung, bảo tồn và phát huy các giá trị tinh hoa, văn hóa vật thể và phi vật thể; là Thủ đô có quy mô tầm cỡ thế giới với hội nhập các giá trị bản sắc văn hóa, lịch sử truyền thống lâu đời đặc trưng.

- Trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế; đô thị thông minh, đổi mới sáng tạo, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn, hạnh phúc; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan toả để thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển. Có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển đô thị quốc gia; là một trong những trung tâm kinh tế - giao dịch - du lịch – văn hóa TDTT và thương mại của khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương.

- Trung tâm của Vùng Thủ đô, Vùng đồng bằng sông Hồng, có vai trò tiên phong dẫn dắt đổi mới, sáng tạo, liên kết vùng, liên vùng và tạo hiệu ứng lan toả cả nước. Có vị trí quan trọng chiến lược về quốc phòng - an ninh khu vực vùng Thủ đô và cả nước.

2.4. Định hướng trong Quy hoạch tổng thể quốc gia

2.4.1. Vị trí, định hướng không gian liên kết vùng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia mới, cả nước thu lại 34 tỉnh, thành phố và 06 vùng kinh tế trọng điểm. Trong đó Thủ đô Hà Nội là trung tâm của Vùng đồng bằng sông Hồng (liên kết với 06 tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình) và Vùng Thủ đô Hà Nội (liên kết với 05 tỉnh: Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình); liên kết với Vùng trung du và miền núi phía Bắc, Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung.

Không gian phát triển của Hà Nội được mở rộng và liên kết, gắn kết chặt chẽ với các tiểu vùng:

- Với Thái Nguyên, Bắc Ninh: Hình thành chuỗi đô thị - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao (điện tử, bán dẫn) dọc theo hành lang kinh tế Bắc - Nam và QL18.

- Với Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên: Kết nối qua hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và cao tốc 5B, tạo thành trục động lực phát triển kinh tế biển và logistics.

- Với Ninh Bình: Kết nối qua trục Bắc - Nam (QL1A, cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ - Ninh Bình), cao tốc Tây Bắc, Vành đai 5, hình thành hành lang công nghiệp hỗ trợ, du lịch văn hóa tâm linh và y tế chất lượng cao (cơ sở 2 của các bệnh viện lớn).

- Với Phú Thọ: Kết nối qua hành lang Xuyên Á (Nội Bài - Lào Cai), phát triển du lịch sinh thái, công nghiệp cơ khí và công nghiệp hỗ trợ.

2.4.2. Vai trò của Hà Nội đối với vùng:

Hà Nội đóng vai trò là trung tâm, động lực chính, điều phối, dẫn dắt lan tỏa sự phát triển: giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không kết nối các tỉnh lân cận với quốc tế và các vùng khác; là trung tâm tài chính, ngân hàng, thương mại, dịch vụ logistics mang tầm khu vực và quốc tế; điều phối phát triển các ngành công nghiệp trong vùng, nghiên cứu, chuyển giao công và mạng lưới phân phối của vùng và cả nước; là thị trường tiêu thụ nông sản thực phẩm chất lượng cao; là trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao; là "bộ não", tập trung các cơ sở nghiên cứu thử nghiệm, thiết kế chế tạo, đổi mới sáng tạo; trung tâm y tế chuyên sâu, đầu ngành; trung tâm du lịch quốc gia, cửa ngõ quốc tế tham quan du lịch tại Hà Nội và phân phối các tỉnh lân cận;

Hà Nội trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ hiện đại mang tầm khu vực và quốc tế, kết nối các hoạt động thương mại, dịch vụ của Thủ đô Hà Nội với các trung tâm vùng và cả nước thông qua các hành lang và vành đai kinh tế.

- Về cấu trúc liên kết đô thị: Hệ thống đô thị gồm thành phố Hà Nội và các đô thị lân cận của các tỉnh xung quanh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng theo mô hình chùm đô thị, trong đó các đô thị lân cận là đô thị vệ tinh của Hà Nội nhằm chia sẻ chức năng về giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học, công nghệ, thương mại, dịch vụ, du lịch, hạn chế sự tập trung quá mức vào đô thị trung tâm Hà Nội.

- Về môi trường: Đóng vai trò điều phối trung tâm, chủ động phối hợp, thúc đẩy liên kết vùng để kiểm soát các vấn đề ô nhiễm, đồng thời chủ trì các hoạt động bảo vệ môi trường, nguồn nước, giải quyết ô nhiễm trong vùng hướng tới phát triển bền vững.

2.4.3. Vai trò dẫn dắt của Hà Nội trên các lĩnh vực then chốt

a) Dẫn dắt về kinh tế - tài chính và dịch vụ cao cấp

Hà Nội sẽ chuyển dịch sang các chức năng quản trị, tài chính và dịch vụ chất lượng cao, nhường dư địa sản xuất công nghiệp đại trà cho các tỉnh lân cận.

Đóng vai trò là trung tâm tài chính, ngân hàng, thương mại, dịch vụ logistics mang tầm khu vực và quốc tế. Các tỉnh lân cận sẽ là nơi tập trung các khu công nghiệp, kho bãi logistics vệ tinh hỗ trợ cho trung tâm này.

Là thị trường tiêu thụ nông sản thực phẩm chất lượng cao, sản phẩm OCOP từ các tỉnh trong vùng (Hưng Yên, Bắc Ninh, Ninh Bình...).

b) Dẫn dắt về Công nghiệp công nghệ cao và Đổi mới sáng tạo (R&D)

Hà Nội đóng vai trò "bộ não", trong khi các tỉnh lân cận là "công xưởng" sản xuất.

Trung tâm R&D: Hà Nội tập trung các cơ sở nghiên cứu thử nghiệm, thiết kế chế tạo, đổi mới sáng tạo. Đây là nơi phát triển công nghệ lõi, công nghệ nguồn.

Phân công lao động vùng:

+ Hà Nội: Tập trung vào khâu thiết kế, phần mềm, trí tuệ nhân tạo, sản xuất thử nghiệm và quản trị.

+ Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng: Tiếp nhận sự lan tỏa để phát triển thành các trung tâm sản xuất, lắp ráp điện tử, bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ và sản xuất thông minh dựa trên công nghệ được phát triển hoặc chuyển giao từ Hà Nội.

Hình thành vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ công nghệ cao dọc theo đường Vành đai 4, Vành đai 5 vùng Thủ đô.

c) Dẫn dắt và liên kết về hệ thống Hạ tầng giao thông

Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng nhất, kết nối các tỉnh lân cận với quốc tế và các vùng khác. Hoàn thiện các tuyến đường vành đai 3.5, vành đai 4, vành đai 4.5, vành đai 5 vùng Thủ đô để tăng cường kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên.

Xây dựng các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình để giảm tải áp lực dân số và hình thành các đô thị vệ tinh (mô hình TOD).

Đầu tư các tuyến đường sắt tốc độ cao (Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; Lạng Sơn - Hà Nội) giúp hàng hóa từ các tỉnh biên giới và cảng biển lưu thông qua Hà Nội.

Rà soát quy mô sân bay Nội Bài và xây dựng sân bay thứ 2 vùng Thủ đô (dự kiến phía Đông Nam hoặc Nam Hà Nội) để phục vụ nhu cầu của cả vùng.

d) Dẫn dắt về giáo dục và đào tạo, y tế và văn hóa (hạ tầng xã hội)

Hà Nội là trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao cho cả vùng. Định hướng phát triển quy hoạch mạng lưới các trường đại học, trung học cơ sở, dạy nghề và các cấp cơ sở; di dời một số trường đại học ra các khu đô thị vệ tinh hoặc các tỉnh lân cận (như Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình) để giảm tải nội đô và tạo động lực phát triển cho các tỉnh này. Khu Đại học Quốc gia Hòa Lạc sẽ là hạt nhân.

Quy hoạch các mô hình giáo dục mũi nhọn, chất lượng cao và hội nhập quốc tế. Đảm bảo không gian vật lý cho giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và phương pháp dạy học hiện đại. Quy hoạch nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học gắn với hạ tầng số (chuyển đổi số trong giáo dục).

Y tế: Hà Nội giữ vai trò trung tâm y tế chuyên sâu, đầu ngành. Phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh tại các tỉnh lân cận để giảm tải cho tuyến trung ương. Phát triển các Trung tâm y tế chuyên sâu, mũi nhọn (các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa đầu ngành) ngang tầm khu vực. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới Y tế cơ sở và Y tế dự phòng phủ kín các địa bàn dân cư, đảm bảo khả năng tiếp cận dịch vụ y tế ban đầu cho người dân. Bố trí quỹ đất để xây dựng các tổ hợp y tế hiện đại, kết hợp với viện trường và trung tâm nghiên cứu.

Văn hóa - Du lịch: Hà Nội là trung tâm du lịch quốc gia, cửa ngõ đón khách quốc tế tham quan du lịch tại Hà Nội và phân phối khách đi các tỉnh lân cận (Tràng An - Ninh Bình, Hạ Long - Quảng Ninh, Tam Chúc - Ninh Bình). Hình thành trục văn hóa sông Hồng kết nối các giá trị văn hóa sẵn có từ Hà Nội đi các tỉnh.

e) Bảo vệ môi trường và an ninh nguồn nước

Xử lý ô nhiễm liên vùng: Hà Nội đóng vai trò chủ chốt trong việc phối hợp với các tỉnh để xử lý ô nhiễm môi trường tại các lưu vực sông liên tỉnh như sông Nhuệ, sông Đáy, hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải; ô nhiễm không khí từ các KCN lân cận.

An ninh nguồn nước: Phối hợp điều tiết nguồn nước, bảo vệ các dòng sông để đảm bảo nước sản xuất và sinh hoạt cho vùng hạ du.

2.4.4. Vùng đô thị Hà Nội

a) Cấu trúc Vùng đô thị Hà Nội: theo mô hình "*Chùm đô thị hướng tâm*", trong đó:

- Hà Nội là Đô thị trung tâm hạt nhân, đầu não, đóng vai trò kết nối vùng và liên vùng quốc tế.

- Các đô thị thuộc tỉnh xung quanh là hệ thống đô thị vệ tinh và đối trọng, được phân vai chức năng rõ ràng để hỗ trợ, chia sẻ áp lực và tạo động lực phát triển chung cho cả vùng bao gồm:

(1) Phía Bắc (Tỉnh Thái Nguyên):

- *Đô thị Thái Nguyên:* Đô thị loại I, với vai trò là trung tâm Y tế, Giáo dục đào tạo chất lượng cao của vùng Trung du miền núi phía Bắc, chia sẻ áp lực đào tạo và khám chữa bệnh cho Hà Nội.

- *Đô thị Sông Công và Phổ Yên:* Đô thị loại II, Là các đô thị công nghiệp hiện đại gắn với tổ hợp công nghệ cao (Samsung), kết nối trực tiếp với Cục tăng trưởng Sốc Sơn của Hà Nội qua cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, tạo thành chuỗi cung ứng công nghiệp điện tử - bán dẫn.

(2) Phía Đông Bắc (Tỉnh Bắc Ninh):

- *Đô thị Bắc Ninh* (Đô thị loại I), *Từ Sơn, Thuận Thành* (Đô thị loại II): Hình thành chuỗi đô thị công nghiệp - dịch vụ liên hoàn, tiếp giáp trực tiếp với Hà Nội.

+ *Chức năng*: Trung tâm công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ và làng nghề truyền thống.

+ *Hỗ trợ Hà Nội*: Cung cấp không gian sản xuất, logistic và nhà ở cho công nhân, chuyên gia làm việc tại khu vực phía Bắc và Đông Hà Nội.

(3) Phía Đông Nam (Tỉnh Hưng Yên):

- *Khu vực Đô thị Văn Giang*: Đô thị loại III, phát triển chuỗi đô thị sinh thái, thương mại, dịch vụ cao cấp (Ecopark, Ocean Park 2-3). Kết nối liên mạch với Gia Lâm (Hà Nội) qua sông Bắc Hưng Hải, tạo thành không gian sống chất lượng cao giảm tải dân số cơ học cho nội đô.

- *Đô thị Mỹ Hào & Khu vực Phố Nối*: Đô thị loại III, là trung tâm công nghiệp, đô thị dịch vụ dọc trục QL5, là hậu phương sản xuất cho trục hành lang kinh tế Đông Tây.

- *Đô thị Hưng Yên (Phố Hiến)*: Đô thị loại III, là đô thị văn hóa - lịch sử nằm trên trục Sông Hồng, kết nối du lịch đường sông với Hà Nội.

(4) Phía Nam (Tỉnh Ninh Bình - bao gồm Hà Nam cũ):

- *Đô thị Duy Tiên*: là đô thị loại IV, đô thị công nghiệp tiếp giáp trực tiếp với Phú Xuyên, tạo thành chuỗi đô thị - công nghiệp liên hoàn phía Nam.

- *Đô thị Phủ Lý*: Đô thị loại II, là Trung tâm Y tế cấp vùng (với cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức), Trung tâm giáo dục và dịch vụ cửa ngõ phía Nam, giảm tải trực tiếp cho các bệnh viện tuyến cuối tại Hà Nội.

- *Đô thị Ninh Bình và Tam Điệp*: Đô thị loại II, là đô thị Du lịch, văn hóa tâm linh và đầu mối giao thông cửa ngõ miền Trung.

(5) Phía Tây (Tỉnh Phú Thọ - bao gồm Vĩnh Phúc cũ):

- *Đô thị Vĩnh Yên*: Đô thị loại I, trung tâm nghỉ dưỡng, công nghiệp sạch.

- *Đô thị Phúc Yên*: Đô thị loại III, cửa ngõ, công nghiệp ô tô/xe máy, kết nối trực tiếp với Mê Linh, Sóc Sơn.

- *Đô thị Việt Trì*: Đô thị loại I, thành phố lễ hội về cội nguồn, kết nối với Ba Vì - Sơn Tây qua cầu Văn Lang, tạo thành quần thể du lịch văn hóa tâm linh (Đền Hùng - Tân Viên Sơn).

- *Đô thị Hòa Bình & Lương Sơn*: Đô thị cửa ngõ Tây Bắc, phát triển mạnh về thủy điện, du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cuối tuần, kết nối trực tiếp với Đô thị vệ tinh Xuân Mai.

(6) Phía Đông (TP Hải Phòng - bao gồm Hải Dương cũ):

- *Đô thị Hải Dương*: Là đô thị trung chuyển chiến lược và trung tâm dịch vụ hỗ trợ công nghiệp quan trọng trên hành lang QL5 và Cao tốc 5B, kết nối Hà Nội với cảng biển.

- *Đô thị Chí Linh*: Đô thị du lịch tâm linh, sinh thái (Côn Sơn - Kiếp Bạc), kết nối với trục văn hóa Đông Bắc.

b) Không gian phát triển mở rộng Thủ đô:

- Là không gian dự kiến mở rộng và vành đai bảo vệ môi trường của Thủ đô.

- Diện tích vùng đệm: **130.000 -140.000 ha.**

(1) Vùng đệm phía Tây và Tây Bắc (Phú Thọ - Hòa Bình):

- Phạm vi: Kết nối từ sườn Tây núi Ba Vì (Hà Nội) sang khu vực sông Đà, Thanh Thủy (Phú Thọ) và Lương Sơn (Hòa Bình); Khu vực đô thị Vĩnh Yên.

(2) Vùng đệm phía Nam (Hà Nam - Ninh Bình):

- Phạm vi: Kết nối từ Hương Sơn (Hà Nội) dọc theo hành lang sông Đáy đến Tam Chúc (Hà Nam) và Bái Đính, Tràng An (Ninh Bình).

(3) Vùng đệm phía Đông và Đông Nam (Bắc Ninh - Hưng Yên):

- Phạm vi: Khu vực dọc hai bên đường Vành đai 4 (Vùng Thủ đô) thuộc địa phận Bắc Ninh (Thuận Thành, Gia Bình) và Hưng Yên (Văn Giang, Yên Mỹ).

2.5. Định hướng phát triển không gian và hạ tầng đô thị:

Thực hiện chỉ đạo "Hạ tầng đi trước dẫn dắt quy hoạch", đề xuất cấu trúc không gian và hạ tầng chiến lược như sau:

2.5.1. Mô hình và cấu trúc không gian:

Theo Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được phê duyệt năm 2024, cấu trúc phát triển đô thị: Vùng đô thị, đa cực, đa trung tâm (với 05 vùng đô thị, 05 trục không gian, 05 khu vực phát triển đô thị, đô thị vệ tinh và các thị trấn được phân cách bằng hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, liên kết bằng hệ thống giao thông vành đai, hướng tâm).

Nay, đề xuất mới xác lập không gian Thủ đô Hà Nội là một tổng thể đô thị thống nhất, với quy hoạch cấu trúc đô thị theo mô hình Chùm đô thị đa cực - đa trung tâm, Đa tầng – đa lớp, thành phố Văn hiến, bản sắc, sáng tạo, phát triển sáng, xanh, sạch đẹp, thích ứng với biến đổi khí hậu (với 09 cực phát triển, 09 trung tâm lớn, các đô thị vệ tinh và các thị trấn được phân cách bằng hành lang xanh, rừng, vành đai xanh, nêm xanh, sông, hồ, liên kết bằng hệ thống giao thông vành đai, hướng tâm) kết hợp 09 trục động lực, với các vành đai, hành lang kinh tế, thúc đẩy liên kết vùng;

Nghiên cứu phát triển đô thị nén với phát triển cao tầng tại khu vực trung tâm, giảm mật độ xây dựng và phát triển không gian ngầm (với liên kết mô hình TOD, ga tàu điện ngầm, phát triển các không gian công cộng, thương mại dịch vụ, tiện ích công cộng, hạ tầng kỹ thuật ngầm, đa tầng, kết hợp chứa nước, thoát nước, chống ngập úng), tiết kiệm không gian mặt đất ưu tiên cho không gian xanh, công cộng, bảo tồn, xây dựng, phát huy các không gian cảnh quan tự nhiên, rừng, hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, sông, hồ, đảm bảo môi trường bền vững. Định hướng kiểm soát khai thác phát triển không gian tầm thấp (<1000m), không gian tầm cao, tạo dư địa ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo, phát triển đô thị thông minh trong giao thông lưu không, phát triển dịch vụ trong không gian, sử dụng không gian, thiết bị bay, hỗ trợ quản lý an ninh, an toàn, PCCC, cứu hộ cứu nạn, phục vụ sản xuất nông nghiệp CNC và du lịch; nghiên cứu tham gia kiểm soát, ứng dụng khoa học công nghệ sử dụng không gian vũ trụ, viễn thông, viễn thám, không gian số, đồng bộ với đảm bảo an ninh, quốc phòng, cân đối phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn, tạo lập các động lực tăng trưởng mới cho Thủ đô, vùng đồng bằng Sông Hồng và đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.5.2. Đề xuất các cực tăng trưởng và các trung tâm chủ đạo:

- Quy hoạch 09 cực tăng trưởng:

(1) Đô thị Trung tâm (Hữu nghị Sông Hồng): Đô thị lõi lịch sử và Mở rộng: Cực Văn hóa - Lịch sử - chính trị (chính trị – hành chính – tài chính – văn hóa của Thủ đô) và đô thị Olympic;

(2) Cực phía Bắc (Đông Anh - Mê Linh - Sóc Sơn): Cực Động lực Hội nhập (Đô thị dịch vụ, thương mại quốc tế, tài chính, logistics gắn với Cảng hàng không quốc tế cửa ngõ Nội Bài; trung tâm công nghiệp công nghệ cao);

(3) Cực phía Đông (Gia Lâm - Long Biên): Cực Động lực Cửa ngõ và Thương mại Dịch vụ (Phát triển các tổ hợp thương mại quy mô vùng, cảng cạn (ICD), trung

tâm logistics hiện đại gắn với trục QL 5 và Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng kết nối Thủ đô với tam giác kinh tế động lực phía Đông (Hải Phòng - Quảng Ninh));

(4) Cực phía Nam – Đô thị trung tâm (Thường Tín-Phú Xuyên): Cực Động lực Công nghiệp và Logistics (Đô thị logistics – công nghiệp công nghệ cao – nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ liên vùng, đầu mối giao thông đa phương thức gắn với Sân bay thứ 2 phía Nam Hà Nội, đường sắt tốc độ cao, cảng sông);

(5) Cực phía Nam là đô thị Vân Đình – Đại Nghĩa: Đô thị cảnh quan sinh thái hai bên sông và di sản, tín ngưỡng gắn với Sân bay thứ 2 phía Nam Hà Nội;

(6) Cực phía Tây Nam (Xuân Mai – Chương Mỹ): Đô thị Giáo dục, Đào tạo, Y tế gắn với nghỉ dưỡng sinh thái);

(7) Cực phía Tây (Hòa Lạc): Đô thị Khoa học Công nghệ, đổi mới sáng tạo & Giáo dục. Trọng tâm là Khu CNC Hòa Lạc và Đại học Quốc gia. Gắn kết với trục phát triển kết nối các tỉnh phía Tây (Phú Thọ, Sơn La, Thanh Hóa,...);

(8) Cực phía Tây Bắc (đô thị Sơn Tây – Ba Vì): Đô thị văn hóa lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng gắn với nhiệm vụ an ninh quốc phòng; kết nối với các đô thị Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc, Việt Trì – Phú Thọ;

(9) Cực Sông Hồng (không gian cảnh quan đặc biệt, Tài chính, DVTM, du lịch,...).

- Quy hoạch 09 trung tâm lớn (theo quy mô, tính chất, vai trò, tiềm năng thế mạnh vượt trội):

(1) Trung tâm đô thị Nam Sông Hồng (*Chính trị - hành chính quốc gia và Thành phố; trung tâm kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế*);

(2) Trung tâm đô thị Bắc Sông Hồng (*Kinh tế - Dịch vụ - Hội nhập kinh tế, quốc tế*);

(3) Trung tâm đô thị phía Đông (*Thương mại dịch vụ - Hội nhập Quốc tế - Y tế - Du lịch – Logistic – Giáo dục đào tạo*);

(4) Trung tâm đô thị olympic (*Thể thao quốc gia, quốc tế*);

(5) Trung tâm đô thị Phú Xuyên (*Logistic – Y tế - Công nghiệp công nghệ cao – Hội nhập quốc tế*);

(6) Trung tâm đô thị Vân Đình – Đại Nghĩa (*Di sản – Văn hóa tâm linh – Du lịch dịch vụ, sinh thái – Làng nghề*);

(7) Trung tâm đô thị Xuân Mai (*Giáo dục đào tạo – Sinh thái cảnh quan – Du lịch dịch vụ*);

(8) Trung tâm đô thị Hòa Lạc (*Trung tâm Khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo – Giáo dục đào tạo – Y tế*);

(9) Trung tâm đô thị Sơn Tây (*Văn hóa – Di sản – Đào tạo – Y tế - Sinh thái cảnh quan*).

2.5.3. Đề xuất các trục động lực phát triển:

- Xác lập 09 trục không gian, hành lang kinh tế, đô thị bám theo các trục giao thông huyết mạch:

(1) Trục Nhật Tân - Nội Bài/Bắc Thăng Long –Nội Bài: Là trục xương sống hình thành Đô thị phía Bắc cửa ngõ đối ngoại, biểu tượng cho hiện đại và hội nhập của Thủ đô. Phát triển mô hình Đô thị Sân bay gắn liền với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

(2) Trục Hồ Tây – Cổ Loa – Sân bay Gia Bình: Là trục không gian kết nối trung tâm đến vùng kinh tế mới phía Đông Bắc và Sân bay Gia Bình (Bắc Ninh). Hình thành

các trung tâm phát triển mới khu đô thị sáng tạo, tài chính – công nghệ cao; thúc đẩy phát triển các khu đô thị hiện đại, dịch vụ chất lượng cao; kết nối Bắc Ninh, trục kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng,...

(3) Trục Quốc lộ 5/Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng: Kết nối Hà Nội với cửa ngõ ra biển (cảng biển quốc tế). Trục đô thị dịch vụ, thương mại và logistics thông minh.

(4) Trục Quốc lộ 1A/Cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ: Là hành lang kinh tế chủ đạo kết nối Hà Nội với mạng lưới kinh tế quốc gia phía Nam và Vùng duyên hải. Tập trung phát triển mạnh về công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức.

(5) Trục Quốc lộ 21B/Quốc lộ 21C: Là "Hành lang kép", vừa là trục hỗ trợ giảm tải cho Quốc lộ 1A (trục công nghiệp - logistics), là trục không gian xanh - văn hóa đặc thù, trục kết nối di sản Mỹ Đình – Ba Sao – Hương Tích – Bái Đình.

(6) Trục QL6/Tuyến đường Hà Đông – Xuân Mai: Phát triển chuỗi đô thị sinh thái kết nối Đô thị trung tâm với Đô thị vệ tinh Xuân Mai và cửa ngõ vùng Tây Bắc.

(7) Trục Đại lộ Thăng Long/Hồ Tây – Ba Vì: đóng vai trò kết nối Đô thị trung tâm với Cực tăng trưởng phía Tây (Đô thị Hòa Lạc), vườn quốc gia Bà Vì. Vừa là trục động lực kinh tế tri thức (Khoa học, Công nghệ, Giáo dục), vừa là trục không gian văn hóa - cảnh quan đặc sắc kết nối văn hóa Thăng Long - xứ Đoài.

(8) Trục Quốc lộ 32/ Tuyến đường Tây Thăng Long: Là trục hướng tâm quan trọng kết nối Đô thị trung tâm với Đô thị vệ tinh Sơn Tây và vùng thượng lưu sông Hồng – Phú Thọ. Phát triển theo mô hình đô thị dịch vụ du lịch, văn hóa lịch sử.

(9) Trục Đại lộ cảnh quan Sông Hồng: là trục không gian xanh trung tâm gắn với văn hóa sáng tạo dọc sông Hồng, là trục phát triển kinh tế - xã hội và biểu trưng cho Hà Nội “Văn hiến - Bản sắc - Sáng tạo”, biểu tượng mới của Thủ đô văn minh, hiện đại.

2.5.4. Xác định các vành đai, hành lang phát triển:

(1) Vành đai 1, VĐ 2, VĐ2.5: Thuộc đô thị trung tâm và nội đô lịch sử; tập trung bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, lịch sử: Khu phố cổ, khu phố cũ, hồ Gươm, hồ Tây, thành Cổ Loa, di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, 36 phố phường; cải tạo tái thiết các khu chung cư cũ và các ô phố xuống cấp; khôi phục cấu trúc phố Pháp;

(2) Vành đai phát triển đô thị theo đường VĐ3, VĐ 3.5:

- Vành đai 3: Tập trung tái cấu trúc đô thị, phát triển theo mô hình nén và TOD tại các nút giao thông lớn. Khai thác tối đa không gian ngầm (bãi đỗ xe, thương mại) và nâng cao chất lượng không gian công cộng để giảm tải áp lực cho khu vực nội đô lịch sử. Đây là ranh giới kiểm soát hạn chế phương tiện cá nhân vào nội đô.

- Vành đai 3.5: Hình thành chuỗi đô thị mới hiện đại và đồng bộ. Phát triển các trung tâm dịch vụ, thương mại, y tế, giáo dục cấp vùng để hút dân cư ra khỏi vành đai 3. Đóng vai trò là vùng đệm chuyển tiếp hài hòa giữa khu vực đô thị mật độ cao và các vành đai xanh sinh thái.

(3) Vành đai phát triển đô thị theo đường VĐ 4: Là Vành đai kinh tế - đô thị động lực và là xương sống của sự phát triển mới. Đây là tuyến đường vành đai Vùng Thủ đô, kết nối trực tiếp Hà Nội với Hưng Yên, Bắc Ninh; Phát triển các cụm đô thị - logistics hiện đại bám dọc tuyến đường, khai thác lợi thế kết nối vùng.

(4) Vành đai phát triển đô thị theo đường VĐ 4.5, QL21a, VĐ 5, cao tốc Tây Bắc:

Là không gian phát triển kết nối chuỗi các đô thị vệ tinh của Hà Nội (Sơn Tây, Hòa Lạc – Xuân Mai – Vân Đình – Đại Nghĩa – Phú Xuyên) với các đô thị Việt Trì, Vĩnh Yên của Phú Thọ với Thái nguyên; kết nối với đô thị Phủ Lý, Đồng Văn của Ninh Bình; với Hưng Yên qua sông Hồng và Hải Phòng;

Là Vành đai quan trọng liên kết Vùng Thủ đô (giữa Hà Nội với 06 tỉnh: Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình) với Thủ đô Hà Nội là trung tâm liên kết vùng, trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước;

(5) Hành lang kinh tế Bắc – Nam:

Là không gian phát triển đô thị liên kết Đô thị trung tâm với không gian phát triển đô thị phía Bắc (Trục Thăng Long - Nội Bài; Nhật Tân – Nội Bài) kết nối với chuỗi các đô thị Vĩnh Yên, Sông Công, Thái nguyên đi Lào Cai, Tuyên Quang, Cao Bằng (Vùng trung du và miền núi phía Bắc) tới cửa khẩu biên giới.

Không gian phát triển đô thị phía Nam (trục QL1a, QL1b, trục đường phía Nam Hà Nội, đường sắt quốc gia, cao tốc Bắc – Nam, sân bay phía Nam vùng Thủ đô) đô thị Thường Tín, Olympic, Phú Xuyên kết nối với chuỗi các đô thị phía Nam Phú Lý, Đồng Văn, Ninh Bình, Thanh Hóa và các tỉnh phía Nam.

Đồng bộ kết nối VĐ 3.5, VĐ 4, VĐ 4.5, VĐ 5 qua sông Hồng với chuỗi đô thị Văn Giang – Phố Hiến - Hưng Yên theo Trục đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng, đường tỉnh 378 thuộc tỉnh Hưng Yên; kiến tạo không gian phát triển mới tiếp nối với Trục Đại lộ cảnh quan Sông Hồng đến hết phạm vi phía Nam Thành phố, tạo dư địa phát triển mạnh, hiện đại, đồng bộ.

(6) Hành lang Đông Tây:

Là không gian phát triển đô thị liên kết Đô thị trung tâm với phía Đông (Trục Hồ Tây – Cổ Loa – Sân bay Gia Bình; Trục Quốc lộ 5 - Hà Nội - Hải Phòng – Quảng Ninh); liên kết với phía Tây Thành phố (Trục Đại lộ Thăng Long, Hồ Tây – Ba Vì kết nối đô thị Hòa Lạc) đi các tỉnh phía Tây (Phú Thọ, Sơn La, Thanh Hóa,...) và các tỉnh thuộc Vùng trung du và miền núi phía Bắc;

2.5.5. Xác định không gian di sản văn hóa, lịch sử, cảnh quan dọc sông Đà, sông Hồng, sông Đuống:

Đề xuất mở rộng phạm vi nghiên cứu tổng thể toàn diện khoảng 150km từ Sông Đà - Khánh Thượng, Ba Vì- Đền Hạ- Đá Chông – di tích K9 (khoảng 60km), đến Sông Hồng - Trung Hà – Đường Lâm – thành cổ Sơn Tây – Trục Đại lộ cảnh quan Sông Hồng – Thăng Long Hà Nội – Văn Giang – Hưng Yên – Phố Hiến (khoảng 90km) để có phương án tổng thể về trị thủy, môi trường nước, xây dựng, du lịch, vận tải thủy,... trên cơ sở nghiên cứu đầy đủ kết nối, các vấn đề thượng nguồn (qua Lào Cai – Yên Bái – Phú Thọ), hạ nguồn qua Hưng Yên – Ninh Bình – cửa biển.

Trong đó Trục đại lộ cảnh quan Sông Hồng từ cầu Hồng Hà đến cầu Mễ Sở (đang nghiên cứu triển khai ở Giai đoạn 1); Giai đoạn tiếp theo nghiên cứu phát triển kéo dài từ cầu Mễ Sở đến hết ranh giới phía Nam Thành phố (khoảng 30km) với liên kết hai bên sông chuỗi vùng đô thị lớn Thường Tín, đô thị văn hóa thể thao Olympic, đô thị Phú Xuyên và chuỗi đô thị Văn Giang – Phố Hiến - Hưng Yên theo Trục đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng của tỉnh Hưng Yên với hệ thống các cầu bắc qua sông theo các trục đường vành đai liên kết.

2.5.6. Vành đai xanh di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, tâm linh và phát triển kinh tế du lịch phía Tây Thành phố:

Được xác định là "Vòng cung Xanh - Tâm linh" bao bọc phía Tây và phía Nam Thủ đô, kết nối chuỗi các địa danh thắng cảnh và di tích lịch sử, văn hóa tâm linh tín ngưỡng quan trọng theo hướng Bắc - Nam. Bắt đầu từ Sóc Sơn (đền Gióng, núi Sóc) - Ba Vì (núi Tản Viên, Vườn quốc gia) -Viên Nam (vùng đệm sinh thái) -Lương Sơn (Hòa Bình - vùng chuyển tiếp văn hóa Mường) - Quan Sơn (Mỹ Đức - "Hạ Long trên cạn") -

Hương Tích (Chùa Hương) - kết nối liên vùng sang Tam Chúc (Hà Nam) và Tràng An - Bái Đính (Ninh Bình).

Vai trò và Tính chất: Lá chắn xanh sinh thái: Đóng vai trò là vành đai bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái và điều hòa khí hậu cho toàn bộ Vùng Thủ đô. Đây là khu vực bảo tồn đa dạng sinh học (với 2 Vườn quốc gia và nhiều khu bảo tồn thiên nhiên).

Định hướng phát triển: Bảo tồn nghiêm ngặt, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng. Phát triển Du lịch Xanh & Trải nghiệm: Hình thành tuyến du lịch "Con đường Di sản và Tâm linh" xuyên suốt từ Sóc Sơn đến Ninh Bình. Phát triển các mô hình du lịch nghỉ dưỡng núi, du lịch thiên, du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc (Mường, Dao...). Kết nối Hạ tầng Xanh: Phát triển các tuyến giao thông cảnh quan kết nối các điểm đến (như trục Hồ Tây - Ba Vì, đường Bái Đính - Ba Sao - Mỹ Đình).

2.6. Một số chỉ tiêu cụ thể:

- Diện tích đất xây dựng đô thị:

- + Đến năm 2045: khoảng 45 - 50% diện tích đất tự nhiên toàn Thành phố.
- + Đến năm 2065: khoảng 55 - 60% diện tích đất tự nhiên toàn Thành phố.
- + Các giai đoạn tiếp theo các giai đoạn tiếp theo đến năm 2100 có thể tăng tùy theo tình hình bối cảnh, yêu cầu thực tiễn; tối đa 70%.

- Dân số: Đến năm 2045 khoảng 15 – 16 triệu người. Đến năm 2065 khoảng 17 – 19 triệu người. Các giai đoạn tiếp theo đến năm 2100 cơ bản đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất ổn định <20 triệu người, phù hợp tiêu chuẩn, tránh tạo áp lực đô thị; kích bản tăng dân số đồng thời với trẻ hóa, hiện đại hóa nguồn nhân lực (dân số tăng, giảm tùy theo tình hình bối cảnh, yêu cầu thực tiễn tại từng thời kỳ).

Tỷ lệ đô thị hoá: Đến năm 2045: đạt trên 75% ; đến năm 2065: đạt trên 90%.

- Kinh tế:

+ Giai đoạn 2026-2030: Tốc độ tăng trưởng GRDP trên 11%/năm; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 ước đạt trên 12.000 USD.

+ Đến năm 2045: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân trên 11%/năm; GRDP bình quân đầu người khoảng 45.000 USD.

+ Đến năm 2065, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân khoảng 5,0%/năm; GRDP bình quân đầu người ước đạt khoảng 100.000 USD.

- Xã hội:

+ Đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn theo chuẩn nghèo quốc gia.

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2045 đạt khoảng 0,92; đến năm 2065: 0,95.

+ Chỉ số hạnh phúc: Đến năm 2045: 9,5/10.

+ Tuổi thọ bình quân đầu người đến năm 2045 khoảng 80 tuổi.

- Môi trường: Đến năm 2030: Cơ bản xử lý hết các điểm nghẽn về môi trường.

2.7. Các nhiệm vụ đột phá, giải quyết các tồn tại, điểm nghẽn.

2.7.1. Giải quyết chống ngập úng:

Quy hoạch xây dựng các công trình ngầm, giao thông ngầm phải đồng bộ với hệ thống giao thông vành đai, hướng tâm và xuyên tâm, kết hợp hệ thống thu gom nước ngầm, bể ngầm chống ngập úng và các trạm bơm (cốt ngầm trên là hệ thống giao thông, cốt ngầm dưới là bể ngầm chứa nước).

Quy hoạch hệ thống không gian ngầm đa năng (Giao thông - Thương mại - Bãi đỗ xe- thoát nước) theo mô hình TOD. Đặc biệt, nghiên cứu xây dựng hệ thống "Bể ngầm khổng lồ" chứa nước mưa kết hợp giao thông để giải quyết triệt để ngập úng. Mô hình đô thị ngầm đang được nghiên cứu để ứng dụng tại các khu vực cải tạo chung cư cũ với các ga tàu điện ngầm theo mô hình TOD, trung tâm thương mại ngầm kết nối.

Nghiên cứu quy hoạch bổ sung thêm các hồ điều hòa trữ nước, thoát nước, chống úng ngập tại những khu vực có cốt nền thấp, thường xuyên ngập úng; kết hợp phát triển trồng rừng, đào hồ lớn tích nước dự trữ thoát nước. Nghiên cứu mở rộng một số đoạn, tuyến sông thuộc Vành đai xanh, hành lang xanh, bãi sông (tạo dung tích trữ nước, âu chứa nước lớn phục vụ thoát nước).

Xác định cốt cao độ cho các khu vực và hệ thống thoát nước an toàn, ổn định thông qua các giải pháp: Xây dựng hồ điều hòa, các hồ chứa, hệ thống ngầm kết hợp giao thông trong các tuynel hoặc hào kỹ thuật kích thước lớn để lưu trữ và thoát nước khi mưa to, giảm áp lực cho hệ thống thoát nước chính và hạn chế ngập úng cục bộ.

Xây dựng các trạm bơm công suất lớn: Trong các trường hợp khẩn cấp hoặc khu vực trũng thấp thường xuyên ngập úng, có thể sử dụng hệ thống bơm công suất lớn để chủ động di bơm nước cho khu vực ngập.

2.7.2. Giải quyết về tắc nghẽn giao thông:

Phân tán giao thông ra ngoài nội đô; kết nối giao thông giữa Hà Nội và các tỉnh lân cận: bổ sung các tuyến kết nối giao thông đường bộ và đường sắt liên vùng với các tỉnh xung quanh Hà Nội: Phú Thọ, Thái Nguyên, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Ninh Bình, Quảng Ninh... Phối hợp triển khai các dự án trọng điểm quốc gia như đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (đề xuất ga Gia Lâm là ga cấp Tỉnh), đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn...

Nghiên cứu bổ sung quy hoạch định hướng phát triển hệ thống đường sắt đô thị theo hướng tăng cường các trục liên kết với các đô thị, tỉnh, thành phố xung quanh Hà Nội theo định hướng liên kết giao thông liên vùng. Nghiên cứu các tuyến đường sắt đô thị ngầm từ vành đai 3 trở vào nội đô, hệ thống TOD, bãi đỗ xe ngầm, thương mại dịch vụ; áp dụng mô hình TOD tối ưu hóa sử dụng đất xung quanh các nhà ga.

Đẩy nhanh tiến độ các tuyến metro, bao gồm tuyến số 2 và tuyến số 5 (Văn Cao - Hòa Lạc)... Quy hoạch TOD (phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng) tối ưu hóa hiệu quả của metro và không gian ngầm. Đẩy nhanh tiến độ các công trình giao thông đường bộ: Đường Vành đai 4, đường nối sân bay Gia Bình; các cầu qua sông như cầu Thượng Cát, cầu Mễ Sở, vành đai 4,5, vành đai 5, cầu Trần Hưng Đạo, cầu Ngọc Hồi, các cầu mới kết nối Vành đai 4.5 qua sông Hồng, kết nối từ Ba Vì qua sông Đà để mở rộng không gian phát triển đô thị; Cải tạo và mở rộng các tuyến đường hiện hữu, đường giao thông hướng tâm theo 09 trục động lực ... là các dự án xương sống, tạo ra đột phá chiến lược trong việc kết nối các khu vực lân cận và giảm tải cho giao thông nội đô, giải quyết ùn tắc và tăng cường kết nối khu vực.

Ngoài việc nghiên cứu quy hoạch bổ sung đồng bộ hệ thống giao thông chính liên kết nêu trên, cần nghiên cứu bổ sung tăng cường hệ thống giao thông liên khu vực (cấu trúc mạng ô bàn cờ) liên kết các khu đô thị mới, đô thị cũ, kết hợp cải tạo, tái thiết xây dựng lại các ô phố cũ sập sệ, khu ổ chuột, để giải phóng tình trạng ách tắc giao thông cục bộ trong nội đô.

Rà soát quy hoạch bổ sung năng lực cho Sân bay quốc tế Nội Bài. Nghiên cứu đưa các sân bay Gia Lâm, Hòa Lạc vào khai thác lưỡng dụng (dân sự và quân sự), dự trữ quỹ đất tại khu vực phía Nam (Ứng Hòa) để xây dựng sân bay thứ 2 vùng Thủ đô.

2.7.3. Giải quyết về ô nhiễm môi trường:

Nghiên cứu rà soát quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đánh giá cụ thể ưu, nhược điểm từng khu xử lý rác về vị trí, quy mô, công suất, công nghệ, bán kính phục vụ, ảnh hưởng môi trường (ví dụ khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn hình thành từ lâu, quy mô chôn lấp lớn, hạn chế về công nghệ xử lý, nguy cơ ô nhiễm cho vùng hồ Xuân Khanh và hồ Suối Hai là vùng cảnh quan du lịch sinh thái của Thành phố); đề xuất tăng hoặc giảm địa điểm, quy mô, yêu cầu công nghệ xử lý.

Nghiên cứu quy hoạch dây chuyền xử lý rác thải, nước thải; phân loại rác thải; rà soát bổ sung địa điểm, quy mô các khu xử lý nước thải đồng bộ với quy hoạch phát triển đô thị theo cấu trúc mới.

Nghiên cứu rà soát quy hoạch khu vực Hành lang xanh, vành đai xanh các sông: Đáy, Tích, Nhuệ, Tô Lịch,... có giải pháp khơi thông dòng chảy, tuần hoàn làm sạch nước, xử lý ngăn thoát nước thải trực tiếp bằng hệ thống đường ống thu gom kết hợp đường, đê; bổ sung xây dựng các hồ lớn điều hòa; quy hoạch xây dựng công viên rừng, TĐTT, môi trường sinh thái dọc các con sông, hành lang xanh và nêm xanh.

2.7.4. Giải quyết các hệ thống hạ tầng đô thị khác:

Hệ thống hạ tầng được nghiên cứu trên quy mô cấp vùng, đảm bảo an ninh năng lượng chuyển dịch mạnh mẽ sang năng lượng xanh, tái tạo. Hệ thống điện rác công nghệ cao và mạng lưới trạm sạc điện phủ kín toàn thành phố sẽ là nền tảng để vận hành nền kinh tế số và đô thị thông minh, hướng tới giao thông xanh bền vững, cung cấp nước sạch và xử lý rác thải bằng công nghệ cao.

Quy hoạch hệ thống công viên nghĩa trang sinh thái, văn minh, đáp ứng nhu cầu dân sinh bền vững cho quy mô dân số 20 triệu người.

2.7.5. Giải quyết vấn đề văn minh trật tự đô thị, phát triển đô thị:

- Tái cấu trúc mô hình phát triển Thủ đô Hà Nội theo hướng đô thị đa cực – đa trung tâm, gắn với cấu trúc đô thị đa tầng – đa lớp, nhằm phân bố hợp lý dân cư, không gian sản xuất, dịch vụ và hạ tầng, giảm áp lực cho khu vực đô thị lõi, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng phát triển đô thị.

a) Cấu trúc đô thị đa tầng – đa lớp: (chiến lược tối ưu hóa không gian)

Hà Nội là đô thị có mật độ dân số rất cao, quỹ đất ngày càng khan hiếm; để giải quyết bài toán phát triển mà không phá vỡ cấu trúc di sản hay lấn chiếm không gian mặt nước, không gian xanh, quy hoạch cần chuyển sang khai thác "Tài nguyên không gian" theo chiều thẳng đứng (Đa tầng) và tích hợp các giá trị cốt lõi (văn hóa - sinh thái - kinh tế) trong cùng một không gian (Đa lớp).

Việc áp dụng mô hình "Đa tầng - Đa lớp" giúp tích hợp được nhiều mục tiêu trong một không gian đô thị:

- Tăng hiệu quả sử dụng đất: Cùng một diện tích đất nhưng tạo ra nhiều lần giá trị sử dụng (nhờ khai thác ngầm và trên cao).

- Nâng cao chất lượng sống: Giải phóng mặt đất cho cây xanh và con người, giải quyết ùn tắc và ngập lụt nhờ không gian ngầm và trên cao, đồng thời bảo tồn được bản sắc văn hóa.

(1) Cấu trúc đô thị đa tầng:

Tổ chức không gian của đô thị theo chiều thẳng đứng, phân chia thành 03 tầng chức năng riêng biệt nhưng kết nối liên hoàn:

- *Không gian Ngầm: Hạ tầng và Dịch vụ*

+ Lớp nông (0-10m): Mạng lưới hầm đi bộ kết nối các tòa nhà, trung tâm thương mại ngầm, quảng trường ngầm, các công trình công cộng ngầm...

+ Lớp trung (10-30m): các công trình công cộng ngầm, hệ thống giao thông ngầm (*bãi đỗ xe ngầm liên thông, đường hầm cho xe cơ giới*), hệ thống đường sắt đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm (*điện, nước, thoát nước...*) đặc biệt là các "Bể ngầm khổng lồ" để chứa nước chống ngập...

+ Lớp sâu (>30m): Hệ thống hạ tầng kỹ thuật chiến lược (an ninh, quốc phòng), hệ thống đường sắt đô thị (sâu).

- *Không gian Tâm thấp (dưới 1.000m):*

Bao gồm không gian mặt đất và không gian đường hàng không tầm thấp, là không gian sinh sống, hoạt động kinh tế và giao thông chính của đô thị.

- *Mặt đất: không gian ưu tiên cho con người, văn hóa và thiên nhiên.*

+ Không gian đi bộ, vỉa hè rộng rãi.

+ Công viên, vườn hoa, mặt nước.

+ Không gian kiến trúc – cảnh quan, bảo tồn di sản (*Phố Cổ, Phố Cũ*) văn hóa, lễ hội....

- *Không gian trên cao (đến 1.000m): không gian phát triển mật độ cao và kinh tế mới.*

+ Phát triển các tổ hợp cao ốc (tại các điểm nén TOD, vành đai) để tiết kiệm đất.

+ Hệ thống cầu đi bộ trên cao kết nối các tòa nhà.

+ Khai thác "Kinh tế tầm thấp": Quy hoạch các hành lang bay cho phương tiện giao thông thể hệ mới (Taxi bay, giao hàng bằng Drone) và các hoạt động du lịch, giám sát đô thị thông minh.

- *Không gian Tầm cao (trên 1.000m): không gian kiểm soát an ninh hàng không và khí hậu.*

+ Hành lang bay quốc tế/nội địa tiếp cận sân bay; quản lý khoảng không phục vụ viễn thông, quan trắc khí tượng và an ninh quốc phòng.

(2) Cấu trúc đô thị đa lớp (*các lớp các giá trị phi vật thể và công năng trên cùng một không gian quy hoạch, tạo nên sự phong phú và bản sắc*)

- *Lớp Di sản – Văn hóa:*

Là lớp nền tảng tạo nên bản sắc của đô thị. Phát huy, bảo tồn các giá trị lịch sử của đô thị như cấu trúc thành cổ (Hoàng thành, Cổ Loa), khu phố cổ, phố cũ và các dấu ấn kiến trúc qua các thời kỳ....

- *Lớp Sinh thái & Tự nhiên:*

Là lớp bao phủ bề mặt của đô thị bao gồm: Hệ thống công viên, mặt nước, không gian xanh xen kẽ vào từng công trình (Kiến trúc xanh), phủ lên các tuyến đường (Rừng trong phố), tạo thành một hệ sinh thái tuần hoàn ngay trong lòng đô thị, cải thiện môi trường sống.

- *Lớp Kinh tế & Số hóa:*

+ Nền tảng Kinh tế: Các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ, tài chính và kinh tế tri thức được khai thác từ không gian ngầm, mặt đất đến không gian số, tạo ra giá trị gia tăng cho kinh tế đô thị.

+ Nền tảng Số hóa: Công nghệ thông minh (AI, Big Data, IoT, Digital Twin) không tồn tại độc lập mà đóng vai trò là công cụ điều khiển, giám sát và hỗ trợ cho các hoạt động kinh tế - xã hội.

b) Tái cấu trúc đô thị:

(1) Mục tiêu:

- Tạo ra một cuộc cách mạng về kiến trúc cảnh quan đô thị, cách mạng về nhà ở, cách mạng về di sản, bảo tồn (*chuyển từ tư duy "bảo tồn – cải tạo" sang tư duy "tái thiết giá trị"*).

- Tạo ra một cấu trúc quy hoạch mới, giải phóng nguồn lực về đất đai và kiến tạo giá trị mới.

- Giải quyết tận gốc các điểm nghẽn hạ tầng, hướng tới một đô thị phát triển, xanh, thông minh và bền vững.

(2) Phạm vi, đối tượng: từ vành đai 3 trở vào, ưu tiên thực hiện đối với khu vực trong vành đai 1, vành đai 2, trong đó:

- Tái cấu trúc kết hợp bảo tồn, tôn tạo đối với các khu vực, công trình có giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc đặc trưng có giá trị, bao gồm:

+ Khu vực trung tâm Chính trị - Hành chính Ba Đình (*khoảng 134,5 ha*).

+ Khu vực Hồ Gươm và phụ cận: Không gian văn hóa, cảnh quan trung tâm.

+ Khu Phố Cổ: Khu vực 36 phố phường (*khoảng 81 ha*).

+ Khu Phố Cũ: Khu vực kiến trúc Pháp có giá trị (*khoảng 200 ha*).

+ Khu vực hồ Tây và vùng phụ cận: khu vực cảnh quan – văn hóa (*khoảng 462ha - không bao gồm 530ha Hồ Tây*).

+ Khu vực hai bên sông Hồng: Trục cảnh quan – trung tâm dịch vụ - tài chính - văn hóa (*khoảng 11.000 ha*).

+ Các khu vực, công trình đặc thù khác: Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa đã xếp hạng; các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; các khu vực an ninh quốc phòng trọng yếu.

- Tái cấu trúc toàn diện đối với các khu vực còn lại (không đảm bảo yêu cầu về kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng đô thị và chất lượng công trình).

(3) Mô hình tái cấu trúc:

- Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản lịch sử - văn hóa, kiến trúc của thành phố theo hướng hài hòa giữa truyền thống và phát triển (*gìn giữ "hòn cốt" Thăng Long - Hà Nội, phát huy giá trị văn hóa - lịch sử - kiến trúc đặc trưng*).

- Cách mạng về hệ thống hạ tầng, sử dụng đất và kiến trúc, cảnh quan đô thị, kiến tạo một cấu trúc đô thị mới, một giá trị mới theo mô hình **“Đa tầng – Đa lớp”**.

Giải pháp Quy hoạch:

- Tái cấu trúc về hạ tầng: Hạ tầng kỹ thuật (đi trước một bước), tái cấu trúc đô thị dựa trên nền tảng quy hoạch, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng khung hiện đại.

+ *Giao thông đa tầng*: Quy hoạch mở rộng mặt cắt đường theo lộ giới quy hoạch, kết hợp phát triển không gian giao thông ngầm, đường nổi và đường trên cao để tối ưu hóa khả năng lưu thông.

+ *Giao thông công cộng (TOD)*: Xây dựng đồng bộ mạng lưới đường sắt đô thị. Lấy các nhà ga Metro làm hạt nhân để quy hoạch tái thiết đô thị xung quanh.

+ *Hạ tầng ngầm*: Đầu tư hệ thống công trình công cộng ngầm, bãi đỗ xe ngầm và đặc biệt là hệ thống giao thông ngầm kết hợp "Bể ngầm chứa nước" quy mô lớn để giải quyết triệt để vấn đề ngập úng (*đề xuất tỷ lệ ngầm hóa khu vực nội đô >40% diện tích đất xây dựng đô thị*).

- Tái cấu trúc về sử dụng đất và không gian, cảnh quan.

+ Ưu tiên các chức năng có giá trị kinh tế cao: Quỹ đất trung tâm sau khi tái thiết được ưu tiên để xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ có giá trị gia tăng lớn như: Trung tâm tài chính, Khu văn phòng cao cấp, Thương mại quốc tế (CBD)... tạo nguồn thu cho ngân sách và động lực kinh tế cho Thủ đô.

+ Mô hình "Nén - Xanh": Thực hiện theo nguyên tắc: Giảm mật độ xây dựng - Tăng tầng cao. Phát triển công trình theo chiều thẳng đứng để giải phóng diện tích mặt đất dành ưu tiên tuyệt đối cho công viên, cây xanh, mặt nước và giao thông (*theo định hướng cao ở khu vực trung tâm, cho phép xây dựng các tổ hợp cao 40-50 tầng*); tích hợp chặt chẽ các khu tái thiết với hệ thống đường sắt đô thị và không gian ngầm đa năng (TOD).

+ Gia tăng tiện ích: Quỹ đất dồi dư từ việc giảm mật độ xây dựng được dành ưu tiên tuyệt đối cho việc mở rộng không gian công viên, cây xanh, mặt nước và các tiện ích công cộng, khắc phục tình trạng thiếu hụt hạ tầng xã hội hiện nay.

- Tái cấu trúc dân cư:

+ Thực hiện chủ trương giãn dân để giảm tải áp lực cho nội đô.

+ Người dân thuộc diện giải tỏa, di dời một phần được bố trí tái định cư tại chỗ, một phần tại các Khu đô thị mới ở các cực tăng trưởng (Đông Anh, Gia Lâm, Hòa Lạc...) được đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, đầy đủ tiện ích (trường học, bệnh viện, công viên), đảm bảo chất lượng cuộc sống tốt hơn nơi ở cũ.

- Đề xuất đối với các khu vực cụ thể:

+ Khu vực trung tâm Chính trị - Hành chính Ba Đình; Khu vực Hồ Gươm và phụ cận: Quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị và bảo tồn và phục dựng các giá trị của các công trình kiến trúc và các trục không gian đô thị có giá trị như khu vực Hoàng Thành Thăng Long, trục văn hóa biểu diễn Tràng Tiền - Nhà hát Lớn...; đề xuất mở rộng các quảng trường, bổ sung vườn hoa cây xanh mặt nước đồng thời tái thiết, xây dựng một số công trình cơ quan, công cộng, dịch vụ đô thị nhằm hình thành trung tâm chính trị - kinh tế - tài chính - thương mại của Thủ đô xứng tầm khu vực; ưu tiên phát triển ngầm tại khu vực.

+ Khu phố Cổ: Bảo tồn, phục dựng giá trị kiến trúc và giá trị văn hóa, truyền thống, xây dựng khu vực phố cổ như một biểu tượng du lịch cộng đồng mới của Hà Nội (quy hoạch các tuyến phố, công trình hai bên theo kiến trúc truyền thống, khu vực lõi của ô phố theo mô hình hiện đại để gia tăng hiệu quả khai thác và phù hợp với nhu cầu phát triển). Khai thác nền kinh tế vỉa hè, nền kinh tế đêm cho các dịch vụ du lịch; phát triển văn hóa ẩm thực của Hà Nội giới thiệu ra thế giới; Tạo dựng các không gian đi bộ, không gian sáng tạo đặc trưng Hà Nội; Phát triển các mô hình TOD gắn với đô thị

+ Khu phố Cũ: Bảo tồn hình thái không gian và kiến trúc đô thị đặc trưng thời kỳ Pháp thuộc (*Mô hình "Thành phố vườn" với mạng lưới đường bàn cờ, vỉa hè rộng và hệ thống cây xanh dọc các tuyến phố; Các quảng trường, vườn hoa và hồ nước được bố trí đan xen để tạo cảnh quan và điều hòa khí hậu.. hình thức kiến trúc tân cổ điển, Đông dương...*), Bảo tồn, cải tạo, các công trình giá trị kiến trúc có giá trị kết hợp tái thiết các công trình xây dựng mới đảm bảo hài hòa với không gian và kiến trúc khu vực.

+ Khu vực Hồ Tây và vùng phụ cận, trục cảnh quan Sông Hồng: Là khu vực có không gian cảnh quan và môi trường bậc nhất của Thành phố, đề xuất bảo tồn các công trình, khu vực giá trị về Văn hóa – Lịch sử, tái cấu trúc toàn diện đối với khu vực dân cư hiện hữu (tăng cường hệ thống giao thông, tôn tạo, nâng cấp không gian cảnh quan,

đầu tư xây dựng các công trình mới đảm bảo hài hòa với không gian và kiến trúc khu vực).

+ Khu vực còn lại: Tái cấu trúc đô thị toàn diện, thực hiện giải tỏa quy mô lớn (theo đơn vị ô phố để quy hoạch lại hệ thống hạ tầng và không gian; bảo tồn các công trình di tích lịch sử, kiến trúc đô thị; Phát triển các trung tâm mới dựa trên hệ thống TOD, khuyến khích phát triển cao tầng trong bán kính 500m của TOD.

(4) Giải pháp thực hiện:

- Xây dựng phương án tài chính song hành với quy hoạch: xây dựng mô hình cân đối nguồn lực tài chính ngay trong quá trình lập phương án không gian. Tính toán suất đầu tư và giá trị đất đai gia tăng sau tái thiết để đảm bảo tính khả thi, thu hút được nhà đầu tư chiến lược (*dự kiến tỷ lệ tái thiết khu vực nội đô khoảng 70% diện tích đất xây dựng đô thị*).

- Quỹ đất tại khu vực trung tâm, các vị trí đắc địa..., ưu tiên phát triển các Trung tâm Tài chính, Thương mại, Văn phòng cao cấp (CBD) để tạo nguồn thu lớn cho ngân sách và động lực kinh tế.

- Phát triển Công nghiệp văn hóa: xây dựng các tuyến du lịch trải nghiệm chuyên đề (hành trình Di sản) kết nối chuỗi công trình kiến trúc có giá trị (Phố Cổ - Phố Pháp - Hoàng Thành), biến không gian di sản thành sản phẩm du lịch đặc sắc.

- Kết nối du lịch Vùng: Hình thành các tuyến du lịch đường sông (Sông Hồng) và đường bộ kết nối Đô thị trung tâm với hệ thống di sản vùng phụ cận (Bát Tràng, Cổ Loa, Sơn Tây, Hương Sơn...) và các tỉnh lân cận (Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình), tạo thành mạng lưới du lịch liên hoàn, đa dạng hóa trải nghiệm cho Thủ đô.

- Nhà ở:

+ Ưu tiên tái định cư tại chỗ cho người dân bằng các căn hộ chất lượng cao, đầy đủ tiện ích.

+ Phân dôi dư phát triển nhà ở thương mại để cân đối tài chính cho nhà đầu tư.

+ Khuyến khích người dân di dời ra các Khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại ở ngoại thành (Đông Anh, Gia Lâm) thông qua cơ chế hỗ trợ hấp dẫn (hệ số đền bù $k=1 - 2$ lần).

c) Các giải pháp khác để giải quyết vấn đề văn minh trật tự đô thị,

- Áp dụng các mô hình phát triển đô thị đặc thù, phù hợp với bản sắc Hà Nội: như mô hình “làng trong phố, phố trong làng”, bảo đảm hài hòa giữa cấu trúc làng truyền thống với không gian đô thị hiện đại; mô hình “rừng trong Thành phố – Thành phố trong rừng”, tăng cường không gian xanh, mặt nước, sinh thái đô thị, cải thiện vi khí hậu và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Quy hoạch cải tạo xây dựng, phát triển khu vực dân cư nông thôn, nâng cao tiện ích hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo tồn phát huy giá trị làng nghề, gắn với phát triển cảnh quan, môi trường sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch

- Đề xuất chiến lược 'Quy hoạch vùng dự trữ phát triển'. Theo đó, tại các khu vực chiến lược (Bắc sông Hồng, trục phía Nam), Thành phố sẽ hoạch định các quỹ đất quy mô lớn (500 - 1000 héc-ta) dự trữ cho tầm nhìn 50-100 năm tới. Các quỹ đất này trong giai đoạn trước mắt sẽ được quản lý như không gian xanh, công viên sinh thái hoặc nông nghiệp đô thị, tuyệt đối không phát triển đô thị phân tán. Đây là quỹ đất giữ lại để đảm bảo cho Thủ đô có đủ dư địa để đón nhận các cơ hội phát triển đột phá trong tương lai mà tại thời điểm hiện nay chưa thể dự báo.

- Xác định chiến lược phát triển nhà ở xã hội và tái định cư theo hướng 'Văn minh - Đồng bộ - Bền vững'. Cụ thể: (1) Chuyển đổi từ phát triển các dự án nhà ở đơn lẻ

sang mô hình 'Khu đô thị nhà ở xã hội tập trung' có quy mô lớn, đầy đủ hạ tầng xã hội, giao thông kết nối (gần các ga đường sắt đô thị) và tiện ích công cộng chất lượng cao; (2) Áp dụng thiết kế chuẩn hóa nhưng hiện đại, ưu tiên không gian cộng đồng tại tầng trệt và không gian xanh; (3) Thiết lập cơ chế quản lý vận hành chuyên nghiệp và bảo trì định kỳ chặt chẽ, ngăn chặn tình trạng coi nới, xuống cấp, đảm bảo người thu nhập thấp được sống trong môi trường văn minh, trật tự và an toàn.

Tích hợp các giải pháp quản lý đô thị thông minh, xây dựng bản sao số đô thị theo Nghị định 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 và tích hợp các dữ liệu về hạ tầng đô thị để quản lý đồng bộ.

Nghiên cứu bổ sung trong quy hoạch định hướng giải quyết việc tái thiết đô thị, cải tạo đô thị, phương án quy hoạch cho việc cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ (giải pháp về dân số, di dân khỏi nội đô, tái định cư ra các khu đô thị mới đồng bộ hiện đại,...) đồng bộ với đề xuất cơ chế chính sách mới, mạnh mẽ (như các dự án BT lớn, trọng điểm của Thành phố).

Đề xuất các quy hoạch giao thông, thiết kế đô thị đồng thời các Quy chuẩn, tiêu chuẩn mới về quản lý đô thị, xây dựng, sử dụng đô thị (lòng, lề đường, vỉa hè, bề mặt tuyến phố, kiến trúc mái các công trình,...) đảm bảo chất lượng, thẩm mỹ, văn minh hiện đại.

2.7.6. Quy hoạch nông nghiệp sinh thái, vùng nguyên liệu, nâng cao chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm:

a) Định hướng Quy hoạch Vùng sản xuất nông nghiệp và Vùng nguyên liệu:

- Chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang kinh tế nông nghiệp; phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh và ứng dụng công nghệ cao.

- Định hướng không gian vùng nguyên liệu:

- + Vùng lúa gạo chất lượng cao: Quy hoạch ổn định diện tích đất lúa tại các khu vực có lợi thế thổ nhưỡng ở phía Nam (Ứng Hòa, Mỹ Đức, Phú Xuyên) và một phần phía Tây (Ba Vì, Phúc Thọ) để đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ.

- + Vùng rau an toàn và hoa cây cảnh: Thiết lập các vành đai xanh nông nghiệp, vùng chuyên canh rau màu, hoa cây cảnh quy mô lớn tại Mê Linh, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm. Định hướng kết hợp sản xuất với du lịch trải nghiệm, cung cấp thực phẩm tươi sống trực tiếp cho thị trường nội đô.

- + Vùng cây ăn quả đặc sản: Phát triển các vùng trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao (bưởi, cam, nhãn...) tại các vùng đồi gò Chương Mỹ, Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Vì gắn với xây dựng thương hiệu OCOP quốc gia.

b) Quy hoạch Hệ thống Giết mổ, Chế biến và An toàn thực phẩm (Chuỗi giá trị khép kín):

- Mục tiêu: Giải quyết triệt để tình trạng giết mổ nhỏ lẻ, tự phát trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường; kiểm soát chặt chẽ an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) từ trang trại đến bàn ăn cho người dân Thủ đô.

- Định hướng quy hoạch mạng lưới: Quy hoạch hệ thống các khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo hướng công nghiệp, hiện đại, xa khu dân cư, thuận tiện giao thông kết nối (vành đai 4, 5) nhưng đảm bảo cách ly nguồn nước sinh hoạt, di dời, chấm dứt hoạt động các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ không đảm bảo vệ sinh. Quy hoạch các tổ hợp chế biến sâu gắn liền với các khu giết mổ tập trung. Hình thành quy trình sản xuất khép kín, tuần hoàn: Vùng nguyên liệu -Giết mổ công nghiệp - Chế biến sâu - Đóng gói sản phẩm - Bảo quản (Kho lạnh) - Phân phối.

Quy hoạch các chợ đầu mối nông sản thực phẩm hiện đại, tích hợp chức năng kiểm nghiệm ATVSTP nhanh và sản giao dịch nông sản số tại các cửa ngõ ra vào Thành phố để kiểm soát nguồn gốc thực phẩm nhập vào Thủ đô.

2.8. Nguồn lực thực hiện

Để giải quyết hài hòa giữa yêu cầu tăng trưởng trước mắt và mục tiêu phát triển bền vững 100 năm, cần cân đối phân bổ đầu tư hợp lý, (1) phát triển các khu đô thị lớn đồng bộ về HTXH, HTKT, (2) Khẩn trương triển khai đầu tư hệ thống hạ tầng khung theo định hướng quy hoạch để tháo gỡ các điểm nghẽn, (3) khoanh vùng các khu vực tái thiết, xây dựng kế hoạch triển khai và cơ chế kiểm soát đầu tư xây dựng phù hợp, hạn chế việc sử dụng đất không hiệu quả và lãng phí nguồn lực đầu tư của xã hội.

- Thực hiện theo lộ trình 10 năm gắn với các chương trình, dự án đầu tư (phụ lục gửi kèm theo).

2.8.1. Giai đoạn 2026-2035:

- Vốn đầu tư toàn xã hội huy động khoảng 14,5 triệu tỷ đồng; trong đó:

+ Khu vực nhà nước: 4,4 triệu tỷ đồng (bình quân 440 nghìn tỷ đồng/năm) – chiếm 30,38%, gồm:

* Doanh nghiệp nhà nước (Trung ương và Thành phố - ví dụ VietTel, VinaPhone...) đầu tư trên địa bàn 2,4 triệu tỷ đồng

* Đầu tư công của Thành phố khoảng 1,97 triệu tỷ đồng (bình quân 197 nghìn tỷ đồng/năm) chiếm 13,6%, chủ yếu đầu tư phát triển hạ tầng, giải quyết bức xúc, dân sinh; huy động từ ngân sách nhà nước (tăng tỷ lệ điều tiết), từ phát hành trái phiếu, vay vốn ODA...

+ Doanh nghiệp tư nhân và dân cư đầu tư: 8,8 triệu tỷ đồng – chiếm 60,76%, trong đó đề xuất danh mục kêu gọi đầu tư các dự án/ nhóm dự án lớn với TMĐT khoảng 9,68 triệu tỷ đồng, trong đó:

(1) Xây dựng hạ tầng: 14 danh mục, TMĐT khoảng 2,68 triệu tỷ đồng

(2) Khu vực đô thị mới: 05 khu vực đô thị, TMĐT khoảng 4,07 triệu tỷ đồng

(3) Tái cấu trúc đô thị: 05 khu vực, TMĐT khoảng 1,67 triệu tỷ đồng

(4) Hạ tầng khu, cụm CN TMĐT khoảng 185 nghìn tỷ đồng.

(5) KHCN, y tế, giáo dục: 06 danh mục, TMĐT khoảng 92,8 nghìn tỷ đồng

(6) Văn hóa, thể thao, du lịch: 04 danh mục, TMĐT khoảng 950 nghìn tỷ đồng.

+ Khu vực FDI: 1,3 triệu tỷ đồng (~48 tỷ USD) – chiếm 8,85%

Đây là giai đoạn tập trung đầu tư hạ tầng, dự kiến, tỷ trọng đầu tư xã hội chiếm khoảng gần 44% GRDP.

- Tăng trưởng GRDP bình quân dự kiến đạt: 11,25%

- Quy mô GRDP năm 2035 dự kiến đạt: 203 tỷ USD

- GRDP/người năm 2035 dự kiến đạt: 19.350 USD

2.8.2. Giai đoạn 2036-2045:

- Vốn đầu tư toàn xã hội cần huy động khoảng 50,34 triệu tỷ đồng; trong đó:

+ Khu vực nhà nước: 14,1 triệu tỷ đồng (bình quân 1,41 triệu tỷ đồng/năm) – chiếm 28%, gồm:

* Doanh nghiệp nhà nước (Trung ương và Thành phố - ví dụ VietTel, VinaPhone...) đầu tư trên địa bàn 9,05 triệu tỷ đồng

* Đầu tư công của Thành phố khoảng 5,05 triệu tỷ đồng (bình quân 505 nghìn tỷ đồng/năm) chiếm 10%, chủ yếu đầu tư phát triển hạ tầng, giải quyết bức xúc, dân sinh; huy động từ ngân sách (tăng tỷ lệ điều tiết), từ phát hành trái phiếu, vay vốn ODA...

+ Doanh nghiệp tư nhân và dân cư đầu tư: 31,1 triệu tỷ đồng – chiếm 61,79%; trong đó đề xuất danh mục kêu gọi đầu tư các dự án/ nhóm dự án lớn với TMĐT khoảng 12,46 triệu tỷ đồng, trong đó:

- (1) Xây dựng hạ tầng: 06 danh mục, TMĐT khoảng 288 nghìn tỷ đồng
 - (2) Khu vực đô thị mới: 09 khu vực đô thị, TMĐT khoảng 3,6 triệu tỷ đồng
 - (3) Tái cấu trúc đô thị: 03 khu vực, TMĐT khoảng 8,3 triệu tỷ đồng
 - (4) KHCN, y tế, giáo dục: 12 danh mục, TMĐT khoảng 145,8 nghìn tỷ đồng
 - (5) Văn hóa, thể thao, du lịch: 05 danh mục, TMĐT khoảng 130,5 nghìn tỷ đồng.
- + Khu vực FDI: 5,14 triệu tỷ đồng (khoảng 180 tỷ USD) – chiếm 10,2%

Giai đoạn sau bùng nổ xây dựng hạ tầng, dự kiến, đầu tư xã hội thấp dần, tỷ trọng giai đoạn này chiếm khoảng trên 42% GRDP.

- Tăng trưởng GRDP bình quân: 11,25%
- Quy mô GRDP năm 2045: 670 tỷ USD
- GRDP/người: 44.300 USD

(Gửi kèm theo **Phụ lục 1** : Danh mục các dự án đầu tư chiến lược)

3. Các nội dung lớn Quy hoạch tổng thể Thủ đô đề xuất mới so với quy hoạch được duyệt năm 2024 và tác động kiến nghị trong Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị; sửa đổi Luật Thủ đô:

(Gửi kèm theo **Phụ lục 2**: So sánh một số nội dung đề xuất điều chỉnh của Quy hoạch tổng thể Thủ đô so với Quy hoạch được duyệt năm 2024; đề xuất các nội dung điều chỉnh, thay thế Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị; sửa đổi Luật Thủ đô)

VI. Tiếp thu các ý kiến chỉ đạo, hoàn thiện báo cáo và các căn cứ chính trị:

1. Nội dung tiếp thu các ý kiến chỉ đạo, góp ý của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ban, ngành Trung ương tại Hội nghị làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội ngày 10/01/2026:

UBND Thành phố tiếp thu toàn diện 07 yêu cầu định hướng lớn vào trong Đồ án Quy hoạch tổng thể Thủ đô như sau:

(1) Về vị thế và vai trò dẫn dắt của Thủ đô: “*Quy hoạch phải đặt Hà Nội trong tổng thể chiến lược phát triển đất nước, gắn chặt với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng. Hà Nội không “hút” nguồn lực mà phải là trung tâm dẫn dắt, lan tỏa và điều phối phát triển*”.

Báo cáo đã xác định Hà Nội là “đầu não”, trung tâm R&D, tài chính, dịch vụ cao cấp, nhường địa sản xuất công nghiệp đại trà cho các tỉnh lân cận (Bắc Ninh, Hưng Yên, Phú Thọ...). Cụ thể hóa vai trò “điều phối” thông qua việc quy hoạch hệ liên kết Vùng, liên vùng, có vai trò chủ đạo, trung tâm trong hoạt động điều phối Vùng Thủ đô (đồng thời đã kiến nghị trong Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị), thống nhất hạ tầng, môi trường liên vùng và lan tỏa, thúc đẩy Vùng Thủ đô và cả nước cùng phát triển.

(2) Về triết lý quy hoạch “Lấy con người làm trung tâm”: “*Mục tiêu cao nhất không phải là con số tăng trưởng mà là chất lượng sống. Hà Nội phải là nơi đáng sống, người dân được thụ hưởng môi trường trong lành, văn hóa và an sinh xã hội*”.

Nội dung tiếp thu và cụ thể hóa:

- Quy hoạch đã chuyển đổi tư duy từ lấy chỉ tiêu vật chất sang lấy "Sự hài lòng, hạnh phúc và chất lượng sống" làm trung tâm.

- Các chỉ tiêu xã hội được đặt ra cụ thể đến năm 2045: Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,92; Chỉ số hạnh phúc 9,5/10; Tuổi thọ bình quân 80 tuổi.

- Quy hoạch cam kết giải quyết triệt để các vấn đề dân sinh bức xúc, các điểm nghẽn, tồn tại về: Ứng ngập; Ô nhiễm môi trường, nước thải, rác thải; ùn tắc giao thông; về không gian xanh; phân bổ dân cư; về văn minh, trật tự đô thị; về vệ sinh an toàn thực phẩm; phát triển đô thị thông minh.

(3) Về hài hòa giữa Hiện đại và Truyền thống: *“Phát triển hiện đại nhưng giữ được hồn cốt Thăng Long - Hà Nội, bản sắc riêng không nơi nào có”.*

Nội dung tiếp thu và cụ thể hóa:

- Triết lý "Văn hóa - Bản sắc - Sáng tạo" được xác định là sợi chỉ đỏ xuyên suốt đặc biệt là trong định hướng tái thiết đô thị đối với các khu phố cổ, phố Pháp, Hồ Gươm và phụ cận.....phát triển, bảo tồn đồng thời với tái cấu trúc, tái thiết cơ bản, toàn diện.

- Áp dụng mô hình cấu trúc đô thị "Đa lớp": Tách biệt và bảo tồn lớp "Di sản - Văn hóa" (Hoàng thành, Phố Cổ, Phố Cũ, 36 phố phường) trong khi phát triển hiện đại ở lớp "Kinh tế & Số hóa" và không gian ngầm/trên cao; phát triển mô hình “Làng trong phố, phố trong làng”.

- Quy hoạch trục không gian văn hóa - cảnh quan đặc sắc: Trục Đại lộ cảnh quan Sông Hồng (biểu tượng phát triển hiện đại của Thủ đô gắn với không gian xanh) và Trục Hồ Tây - Ba Vì (kết nối văn hóa Thăng Long - Xứ Đoài).

(4) Về tầm nhìn dài hạn và không gian mở: *“Quy hoạch phải đi trước một bước, có tầm nhìn xa, tính đến các xu hướng thế giới (kinh tế xanh, già hóa dân số...). Phải đủ dư địa cho thế hệ mai sau”.*

Nội dung tiếp thu và cụ thể hóa:

- Chuyển tầm nhìn từ năm 2065 sang tầm nhìn 100 năm và xa hơn; phân kỳ các giai đoạn đầu tư phát triển theo không gian chiều cao, chiều rộng, chiều sâu.

- Đề xuất các cực, trung tâm phát triển; chiến lược "Vùng dự trữ phát triển": Khoanh vùng các quỹ đất quy mô lớn (500-1000 ha) tại Bắc Sông Hồng và Trục phía Nam để dành lại dư địa cho tương lai.

- Thích ứng biến đổi khí hậu và kinh tế xanh được lồng ghép vào mô hình "Thành phố trong rừng - Rừng trong thành phố" và hệ thống đê sông Hồng kết hợp giao thông, thoát lũ; tập trung xây dựng phát triển đô thị thông minh, thành phố đổi mới sáng tạo.

(5) Về Hà Nội là trung tâm sáng tạo, đổi mới quốc gia trong đó *“Hà Nội phải là nơi hội tụ tinh hoa trí tuệ, trung tâm sáng tạo, khoa học công nghệ, thu hút nhân tài”.*

Nội dung tiếp thu và cụ thể hóa:

- Xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên năng suất lao động, kinh tế tri thức và chuyển đổi số để đạt mục tiêu tăng trưởng 2 con số (tối thiểu 11%/năm giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo).

- Quy hoạch Hòa Lạc là Cực tăng trưởng phía Tây - Đô thị Khoa học Công nghệ và Giáo dục. Hình thành các không gian sáng tạo, "Thung lũng Silicon" của Việt Nam gắn với Đại học Quốc gia và Khu công nghệ cao.

(6) Về bảo đảm Quốc phòng - An ninh: trong đó “*Yêu cầu xuyên suốt là gắn chặt với thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh phi truyền thống (an ninh mạng, môi trường, nguồn nước)*”.

Nội dung tiếp thu và cụ thể hóa:

- Quy hoạch không gian tầm thấp, tầm cao, không gian vũ trụ, hệ thống không gian ngầm (Lớp sâu >30m) phục vụ hạ tầng kỹ thuật chiến lược và an ninh quốc phòng.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước và môi trường thông qua việc phối hợp liên vùng xử lý các dòng sông ô nhiễm (sông Đà, sông Hồng, sông Nhuệ, sông Đáy) và bảo vệ nguồn nước đầu nguồn.

- Quy hoạch các sân bay Gia Lâm, Hòa Lạc theo hướng lưỡng dụng (vừa dân sự vừa quân sự) để sẵn sàng cho mọi tình huống. Dự trữ sân bay phía Nam tại Ứng Hòa.

(7) Về tổ chức lập và thực hiện quy hoạch: “*Xây dựng quy hoạch khoa học, công khai, minh bạch. Kiên quyết không để lợi ích nhóm, tư duy nhiệm kỳ bẻ cong quy hoạch*”.

Nội dung tiếp thu và cụ thể hóa:

- Xác định rõ các khu vực bảo tồn nghiêm ngặt và các khu vực tái thiết để minh bạch hóa không gian phát triển, ngăn chặn điều chỉnh quy hoạch tùy tiện.

- Ứng dụng công nghệ số (AI, Big Data) vào nghiên cứu và giám sát thực hiện quy hoạch để đảm bảo tính khách quan, chính xác.

- Thực hiện công tác tham vấn, xin ý kiến các chuyên gia, tổ chức, cộng đồng dân cư để đảm bảo tính khách quan trong công tác lập quy hoạch, trao quyền mạnh hơn cho địa phương trong công tác giám sát và thực hiện quy hoạch.

2. Tiếp thu đầy đủ các ý kiến chỉ đạo, định hướng của đồng chí Tổng Bí thư tại các buổi làm việc với Đảng bộ Thành phố và đặc biệt là chỉ đạo của Tổng Bí thư tại Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII về định hướng phát triển Thủ đô trong "Kỷ nguyên vươn mình" với nhiều nội dung về quy hoạch.

Đồng thời tiếp thu bổ sung đầy đủ 09 nghị quyết bộ chính trị và các chỉ đạo, nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ thời gian vừa qua và tiếp tục tổng hợp cập nhật trong thời gian tới để hoàn thiện xây dựng nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo, góp ý của đồng chí Bí thư Thành ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo quy hoạch tại Thông báo số 163-TB/TU ngày 27/12/2025 của Thành ủy: Các nội dung đề xuất phát triển không gian của Thủ đô Hà Nội tại đồ án phải có tính ổn định, tổng thể, chiến lược, bền vững, mang tầm vóc thời đại với tầm nhìn 100 năm và xa hơn; bám sát những chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về xây dựng Thủ đô Hà Nội “Văn hóa - bản sắc - sáng tạo”, khai thác tri thức, công nghệ, tạo động lực phát triển mới, đồng bộ hạ tầng; tương xứng với Thủ đô của một nước phát triển thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa; các định hướng phát triển Thủ đô đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII; ý kiến chỉ đạo và kết luận của Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy. Đặc biệt, cần luận giải phương án tối ưu về các lớp: không gian ngầm, mặt đất và không gian tầm thấp...; bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử vùng lõi “36 phố, phường” của Thành phố; phát triển con người Hà Nội thanh lịch, văn minh, hội nhập; khắc phục dứt điểm các điểm nghẽn về trật tự đô thị, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, úng ngập trên địa bàn Thủ đô.

Đồ án phải cụ thể hóa được những ý kiến góp ý của Thường trực Chính phủ về tái cấu trúc theo hướng mô hình đô thị Đa cực - Đa trung tâm, Đa tầng - Đa lớp, phát triển sáng, xanh, sạch, đẹp, thích ứng với biến đổi khí hậu; hài hòa giữa bảo tồn và phát triển

mô hình đô thị “Làng trong phố, phố trong làng”; mô hình “Rừng trong Thành phố - Thành phố trong rừng”, gắn kết đô thị với nông thôn; phát huy giá trị văn hóa, di sản, sử dụng đất đô thị một cách tiết kiệm, hiệu quả, tạo không gian sống chất lượng cao và bản sắc riêng cho Thủ đô.

Những định hướng phát triển của Thủ đô phải được đặt trong mối quan hệ liên vùng và các địa phương lân cận, định hình được vai trò đầu tàu, dẫn dắt của Thủ đô Hà Nội. Trên cơ sở đó, đề xuất những cơ chế, chính sách thật sự vượt trội, riêng có của Thủ đô, những vấn đề lớn, chưa có tiền lệ, vượt trước khuôn khổ thể chế, pháp luật hiện hành; xác định rõ thuộc thẩm quyền của các cơ quan (Chính phủ, Bộ, ngành...) để đề xuất trao quyền mạnh mẽ, tổng thể cho Thủ đô được tự quyết định nhằm thực hiện tầm nhìn 100 năm và phát huy đúng vị thế, đóng góp xứng tầm vào sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

III. Đề xuất, kiến nghị:

UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố xem xét, thông qua các nội dung chính của Quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm nêu trên, làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo, hoàn thiện nhiệm vụ, quy hoạch trình các cấp có thẩm quyền theo tiến độ đã đặt ra.

UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND TP;
- Các Ban thuộc HĐND Thành phố;
- Các Sở: QHKT, TC;
- Viện QHXD; Viện NCPTKT-XH;
- VP UBTP: CVP, PCVP_{VTA},
các phòng: TH, KT, ĐT_{TCC},
- Lưu VT, ĐT_{LTA} 8705

(để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đức Tuấn